

Số: 23/2025/HABECO89

Hung Yên, ngày 23 tháng 05 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

### V/v Chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

#### 1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89

- Mã chứng khoán: BHH
- Địa chỉ: Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 02213.997.488 Fax: 02213.997.489
- Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Quang Nghiệp – Giám đốc Công ty

#### 2. Loại thông tin công bố: Khác ☒ Bất thường ☐ Yêu cầu ☐ Định kỳ ☐

#### 3. Nội dung công bố thông tin

- Quyết định & Thông báo về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty CPTM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89;
- Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty (*Website*) vào ngày 23/05/2025 tại đường dẫn: <https://habecotrading89.com.vn/>.

Tài liệu gửi kèm: Quyết định & Thông báo về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng website Công ty;
- Lưu VT.

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THƯƠNG  
MẠI BIA HÀ  
NỘI - HUNG  
YÊN 89

Digitally signed  
by CÔNG TY CỔ  
PHẦN THƯƠNG  
MẠI BIA HÀ NỘI  
- HUNG YÊN 89  
Date: 2025.05.23  
11:15:58 +07'00'



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Nghiệp

**SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **563**QĐ-SGDHN

Hà Nội, ngày **23** tháng **5** năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của  
Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89**

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

*Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐTV ngày 30/6/2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐTV ngày 09/7/2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán*

*Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*

*Căn cứ Quy chế Đăng ký và Quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Hội đồng Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;*

*Căn cứ hồ sơ đăng ký giao dịch của Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý Niêm yết.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với những nội dung sau:

Tên tổ chức đăng ký giao dịch: Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89



Tên tiếng Anh: Ha Noi – Hung Yen Trading Beer Joint Stock Company 89

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán: BHH

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.000.000 cổ phiếu (Sáu triệu cổ phiếu)

Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)

**Điều 2.** Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành và tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động giao dịch chứng khoán.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc Phòng Quản lý Niêm yết và Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- VNX (để b/c);
- VSDC;
- Chủ tịch, TGD (để b/c);
- Phòng HTGD, GSGD, TTTT, TH;
- Lưu: VT, QLNY ( bản).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Đỗ Văn Tâm

**THÔNG BÁO**

**Về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu  
của Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89**

Ngày 23 / 5 /2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Sở GDCK Hà Nội) đã cấp Quyết định số 563/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (mã chứng khoán: BHH). Để hoàn tất thủ tục đưa chứng khoán vào giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 135 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội đề nghị Công ty đăng ký bằng văn bản ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên. Trong đó, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch, Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 có trách nhiệm đưa cổ phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. *Hg*

**Nơi nhận:**

- CTCP Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89;
- Lưu VT, QLNY.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Văn Tâm**

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 8646/UBCK-GSDC ngày 18/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)



HHY Brewery Jsc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900270055 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2019)

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Trụ sở chính: Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: (84 - 4) 2199 7488

Fax: (84 - 4) 2199 7489

Website: <http://habecotrading89.com.vn/>

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2024 (theo BCTC kiểm toán năm 2024): 60.000.000.000 đồng

### Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Quang Nghiệp

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: (84 - 4) 2199 7488 Fax: (84 - 4) 2199 7489

Tháng 05/2025





## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                                                         |          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG .....</b>                                                                                                                                                                                             | <b>6</b> |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty .....                                                                                                                                                                                         | 6        |
| 1.1. Giới thiệu về Công ty .....                                                                                                                                                                                                                        | 6        |
| 1.2. Ngành nghề kinh doanh .....                                                                                                                                                                                                                        | 6        |
| 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                              | 7        |
| 2. Cơ cấu tổ chức Công ty .....                                                                                                                                                                                                                         | 11       |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....                                                                                                                                                                                                              | 15       |
| 3.1 Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                                                                                                                                                          | 16       |
| 3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT).....                                                                                                                                                                                                                      | 16       |
| 3.3. Ban Kiểm soát (BKS) .....                                                                                                                                                                                                                          | 17       |
| 3.4. Ban Giám đốc.....                                                                                                                                                                                                                                  | 17       |
| 3.5. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ.....                                                                                                                                                                                                                | 17       |
| 4. Cơ cấu cổ đông.....                                                                                                                                                                                                                                  | 26       |
| 4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty .....                                                                                                                                                                                                                   | 26       |
| 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....                                                                                                                                                                                       | 26       |
| 4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ .....                                                                                                                                                                                          | 27       |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng ..... | 27       |
| 5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng. ....                                                                                                                                                      | 27       |
| 5.2. Công ty con, công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối. ....                                                                                                                                                 | 27       |
| 5.3. Danh sách Công ty liên kết .....                                                                                                                                                                                                                   | 27       |
| 6. Hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                                                                           | 27       |
| 6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm của Công ty .....                                                                                                                                                                                          | 27       |
| 6.2. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty chia theo sản phẩm.....                                                                                                                                                                                         | 29       |

|                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 6.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty chia theo sản phẩm .....                                 | 31        |
| 6.4. Cơ giá vốn hàng bán của Công ty chia theo sản phẩm .....                                  | 32        |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất ..... | 32        |
| 8. Vị thế của Công ty trong ngành .....                                                        | 35        |
| 8.1. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....                         | 35        |
| 8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....                                                      | 35        |
| 9. Chính sách đối với người lao động .....                                                     | 36        |
| 9.1. Số lượng lao động trong Công ty .....                                                     | 36        |
| 9.2. Chính sách đối với người lao động .....                                                   | 36        |
| 10. Chính sách cổ tức .....                                                                    | 37        |
| 11. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất.....                                 | 37        |
| 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản .....                                                                | 37        |
| 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                                                      | 41        |
| 12. Tài sản .....                                                                              | 42        |
| 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                         | 43        |
| 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....                 | 46        |
| 15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....                                | 46        |
| 15.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh.....                                           | 46        |
| 15.2. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....                                          | 46        |
| 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty .....                        | 46        |
| <b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>                                                              | <b>47</b> |
| 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị .....                                 | 47        |
| 2. Ban kiểm soát.....                                                                          | 56        |
| 3. Ban Giám đốc.....                                                                           | 59        |
| 3.1. Danh sách Ban Giám đốc.....                                                               | 59        |
| 3.2. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc .....                                                         | 59        |

|             |                                                                                |           |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.          | Kế hoạch tăng cường quản trị công ty .....                                     | 61        |
| 5.          | Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....             | 62        |
| 6.          | Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định ..... | 66        |
| <b>III.</b> | <b>PHỤ LỤC.....</b>                                                            | <b>67</b> |



**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|                            |                                                       |
|----------------------------|-------------------------------------------------------|
| Công ty/ Habeco Trading 89 | : Công ty cổ phần Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 |
| BCTC                       | : Báo cáo tài chính                                   |
| CTCP                       | : Công ty cổ phần                                     |
| HĐQT                       | : Hội đồng quản trị                                   |
| BKS                        | : Ban Kiểm soát                                       |
| VNĐ                        | : Việt Nam Đồng                                       |
| CĐNB                       | : Cổ đông nội bộ                                      |
| VSDC                       | : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam  |
| HNX                        | : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                     |
| TKGDCK                     | : Tài khoản giao dịch chứng khoán                     |
| ĐHĐCĐ                      | : Đại hội đồng cổ đông                                |
| CP                         | : Cổ phần                                             |
| STT                        | : Số thứ tự                                           |
| Đvt                        | : Đơn vị tính                                         |



**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty****1.1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89
- Tên tiếng Anh: HA NOI – HUNG YEN TRADING BEER JOINT STOCK COMPANY 89
- Tên viết tắt: HABECO TRADING 89
- Mã chứng khoán: BHH
- Trụ sở chính: Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (84 – 4) 2199 7488
- Fax: (84 – 4) 2199 7489
- Website: <http://habecotrading89.com.vn>
- Logo Công ty:



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900270055 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2019.
- Vốn điều lệ đăng ký: **60.000.000.000 đồng** (Sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: **60.000.000.000 đồng** (Sáu mươi tỷ đồng)
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang Nghiệp** – Giám Đốc
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 18/12/2024

**1.2. Ngành nghề kinh doanh****Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

| STT | Tên ngành                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các loại bia                                                               | 1103     |
| 2.  | Chưng, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh                                         | 1101     |
| 3.  | Sản xuất rượu vang                                                                  | 1102     |
| 4.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                             | 1104     |
| 5.  | Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát |          |
| 6.  | Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách                                         | 5510     |

| STT | Tên ngành                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|----------|
|     | sản);                                                                       |          |
| 7.  | Dịch vụ nhà hàng ăn uống                                                    | 5610     |
| 8.  | Dịch vụ Vận tải hàng hóa                                                    | 4933     |
| 9.  | Quảng cáo và các dịch vụ liên quan                                          | 7310     |
| 10. | Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu                                              |          |
| 11. | Kinh doanh nông, lâm, hải sản nguyên liệu (trừ những mặt hàng Nhà nước cấm) | 4620     |
| 12. | Kinh doanh thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ chế biến                | 4632     |
| 13. | Kinh doanh vật liệu xây dựng                                                | 4663     |
| 14. | Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm)                   | 6499     |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

**1.3. Lịch sử hình thành và phát triển**

| Năm         | Cột mốc quan trọng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>2007</b> | Ngày 14/05/2007, Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, với số vốn góp điều lệ ban đầu là 30.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 14/05/2007.                                                            |
| <b>2017</b> | Trong năm 2017 công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu giúp Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng.<br><br>Công ty đầu tư mở rộng diện tích nhà máy lên 15.700m <sup>2</sup> nhằm nâng công suất sản xuất bia từ 5 triệu lít/năm trong năm 2009 lên đến 35 triệu lít/ năm trong năm 2017. |
| <b>2019</b> | Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công nghệ lọc màng tiên tiến nhất cho ra chất lượng nước chuẩn A, thay đổi công nghệ lò hơi đốt than bằng việc mua hơi từ công nghệ bảo vệ môi trường.                                                                                                                                                     |
| <b>2020</b> | Công ty đầu tư hệ thống thu hồi CO <sub>2</sub> giúp tiết kiệm chi phí mua khí CO <sub>2</sub> để phục vụ các công đoạn sản xuất bia đồng thời giảm tác động lên môi trường bằng cách tái chế khí CO <sub>2</sub> thải ra từ quá trình lên men                                                                                                         |
| <b>2021</b> | Công ty đầu tư máy lọc màng BMF với tổng giá trị hơn 10,2 tỷ đồng nhằm giảm chi phí xử lý chất thải do không sử dụng bột trợ lọc, giữ được hương vị và độ ổn định của bia, ngoài ra màng lọc BMF còn nâng cao mức độ an toàn cho môi trường làm việc, chi phí vận thấp và dễ vận hành                                                                  |
| <b>2023</b> | Công ty đầu tư mới hệ thống chiết tự động KHS đạt chuẩn Châu Âu giúp ổn định sản phẩm sau chiết, tăng độ tin cậy của sản phẩm, tăng hiệu suất thu hồi toàn dây chuyền, giảm phát thải ra môi trường, tăng chất lượng sản phẩm                                                                                                                          |



| Năm  | Cột mốc quan trọng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2024 | Công ty đưa dây chuyền chiết keg 30/50L và hệ thống xử lý nước công nghệ Nhật bản Nagaoka vào vận hành và khai thác góp phần tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Đặc biệt dây truyền chiết keg góp phần nâng cao hiệu suất thu hồi trên toàn dây truyền sản xuất.<br><br>Ngày 18/12/2024, Công ty chính thức được chấp thuận trở thành Công ty đại chúng theo Văn bản số 8646/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 2025 | Ngày 11/02/2025, 6.000.000 cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo Công văn số 1457/VSDC-ĐKCP.NV của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam                                                                                                                                                                                                   |

#### 1.4. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng yên 89
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: BHH
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.000.000 cổ phiếu, trong đó:
  - + 6.000.000 cổ phiếu đang lưu hành
  - + 0 cổ phiếu quỹ
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty:
  - + Ngày 24/01/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 550/UBCK-PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
  - + Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/03/2025 – ngày chốt danh cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025) là 0%.

#### 1.5. Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập

Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 14/05/2007 với số vốn điều lệ đăng ký là 30.000.000.000 đồng, tương ứng với 3.000.000 cổ phần. Sau 18 năm hoạt động và 01 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900270055 thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 04/04/2019

là 60.000.000.000 đồng, tương ứng với 6.000.000 cổ phần.

Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 cam kết kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Chi tiết về quá trình tăng vốn được trình bày như bảng dưới đây:

**Bảng 2. Quá trình góp vốn, tăng vốn của Công ty**

| Thời gian | SLCP tăng/giảm | Giá trị vốn tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL sau tăng/giảm (triệu đồng) | Hình thức tăng/giảm vốn        | Cơ sở tăng/giảm vốn                                                          | Đơn vị cấp                                                                                                                                                 |
|-----------|----------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2007  |                | 30.000                             | 30.000                         | Góp vốn bằng tiền              | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sáng lập số 01/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/05/2007 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 14/05/2007                                                |
| Năm 2017  | 3.000.000      | 30.000                             | 60.000                         | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 ngày 18/11/2016                | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900270055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 23/5/2017 |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

❖ **Đợt 1: Góp vốn thành lập**

- Hồ sơ pháp lý của đợt góp vốn:
  - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sáng lập số 01/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/05/2007.
  - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 14/05/2007.
- Vốn điều lệ thành lập: 30.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu: 3.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng góp vốn: Cổ đông sáng lập
- Số lượng cổ đông góp vốn: 68 cổ đông
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Mục đích sử dụng vốn: Thành lập Công ty
- Ngày hoàn thành góp vốn: 05/03/2010
- Tình hình sử dụng vốn:

| STT | Nội dung                                                                                       | Số tiền đã thực hiện (VND) (*) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Đầu tư ban đầu (cụ thể quyết toán sau thuế cho các hạng mục chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí | 25.996.700.939                 |



| STT | Nội dung                                                             | Số tiền đã thực hiện (VND) (*) |
|-----|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     | khác và chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất) |                                |
| 2.  | Thanh toán tiền lắp đặt Tank                                         | 3.275.049.340                  |
| 3.  | Thanh toán tiền mua ô tô                                             | 593.500.000                    |
| 4.  | Thanh toán tiền mua nguyên liệu                                      | 570.152.000                    |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                     | <b>30.435.402.279</b>          |

(\*) Phần tiền chênh lệch giữa số tiền thực hiện và số tiền thu được từ góp vốn (cụ thể 435.402.279 đồng) được bù đắp bằng nguồn vốn khác của Công ty.

❖ **Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng**

- Hồ sơ pháp lý của đợt phát hành:
  - + Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 ngày 18/11/2016 của CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 (kèm Tờ trình số 0211TT.HAT89 ngày 17/11/2016 về việc phát hành cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ Công ty và Phương án phát hành cổ phiếu;
  - + Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 18/01/2017 của CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89;
  - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900270055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 23/05/2017.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 3.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số vốn góp thêm: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 60.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông góp vốn: 57 cổ đông
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư nâng công suất nhà máy lên 35 triệu lít/năm và mở rộng mặt bằng kinh doanh.
- Ngày hoàn thành góp vốn: 28/02/2017
- Tình hình sử dụng vốn:



| STT | Nội dung                                                                  | Số tiền đã thực hiện (VND) (*) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Mua hệ thống dây chuyền sản xuất bia                                      | 17.600.000.000                 |
| 2.  | Mua tài sản gắn liền trên đất                                             | 7.537.200.000                  |
| 3.  | Thuê đơn vị thi công vận chuyển, lắp đặt thiết bị nhà nấu và tank lên men | 2.545.400.000                  |
| 4.  | Thuê đơn vị thi công thiết kế thi công, cải tạo hệ thống cấp nước         | 1.793.000.000                  |
| 5.  | Thuê đơn vị thi công nâng cấp, cải tạo nhà máy chiết keg tự động          | 2.242.680.000                  |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                          | <b>31.748.880.200</b>          |

(\*) Phần tiền chênh lệch giữa số tiền thực hiện và số tiền thu được từ đợt tăng vốn (cụ thể 1.748.880.200 đồng) được bù đắp bằng nguồn vốn khác của Công ty.

#### ❖ Ý kiến của đơn vị kiểm toán

Theo Báo cáo tình hình góp vốn từ thời điểm thành lập doanh nghiệp lên 60 tỷ đồng đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 số 16/BCKT/KTV ngày 25/10/2023 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình góp vốn của Công ty Cổ phần TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tổng số vốn góp từ thời điểm thành lập doanh nghiệp lên 60 tỷ đồng phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình góp vốn”

#### 1.6. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng căn cứ theo Văn bản số 8646/UBCK-GSDC ngày 18/12/2024.
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng như sau:
  - + Tổng số lượng cổ đông: 105 cổ đông.
  - + Số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn: 100 cổ đông.
  - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông không phải là cổ đông lớn: 2.460.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 41,0%).

#### 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

**Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

(Nguồn: Habeco Trading 89)

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (2007) đến nay, sau 18 năm phát triển, Công ty đã xây dựng được một dòng bia thương hiệu Việt cùng với chất lượng đậm đà hảo hạng. Hiện nay, Công ty đang sở hữu 01 (một) trụ sở chính đặt tại Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên và một (01) nhà máy sản xuất bia với công suất lớn, được đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại nhằm đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty, chi tiết thông tin về nhà máy của Công ty như sau:

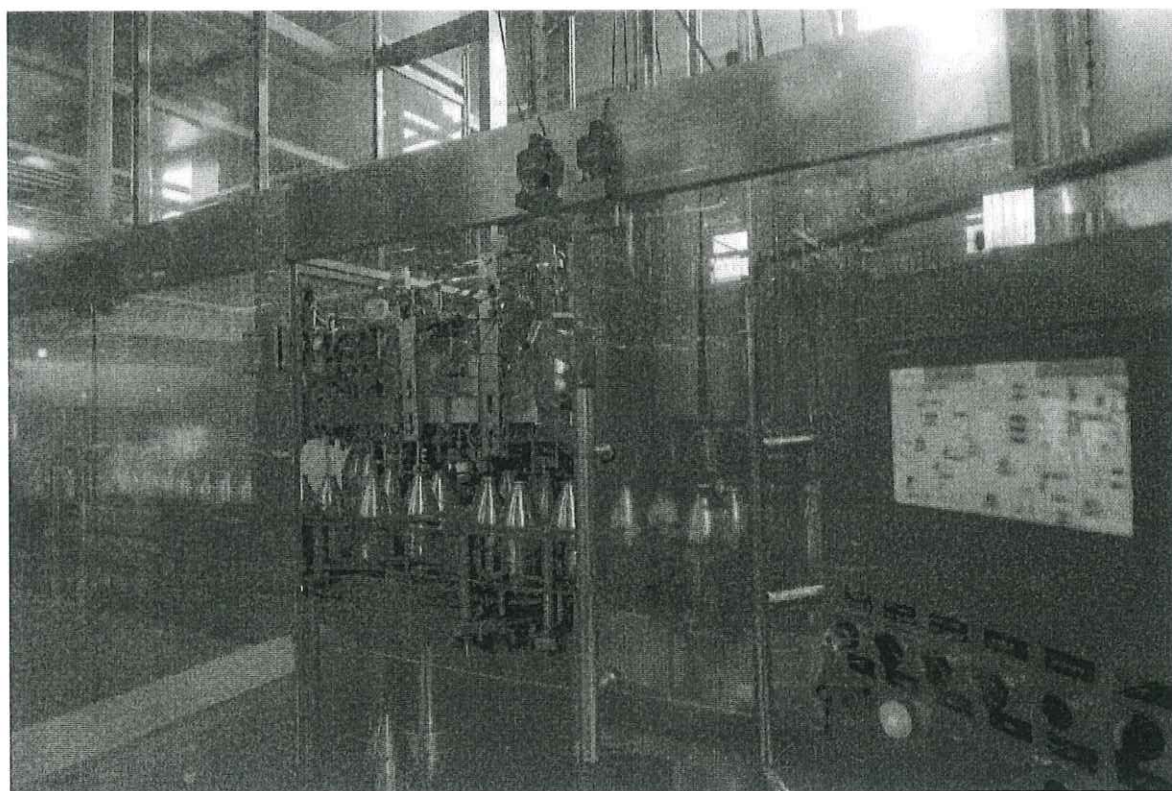
- Vị trí nhà máy: Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
- Diện tích khu đất xây dựng: 15.700m<sup>2</sup>
- Sản phẩm kinh doanh chính: Sản xuất các loại bia
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2008
- Công suất thiết kế: 5 triệu lít/năm
- Công suất hoạt động sau nâng cấp: 35 triệu lít/năm

**Hình 2. Một số hình ảnh của Công ty****Trụ sở chính và nhà máy của Công ty**



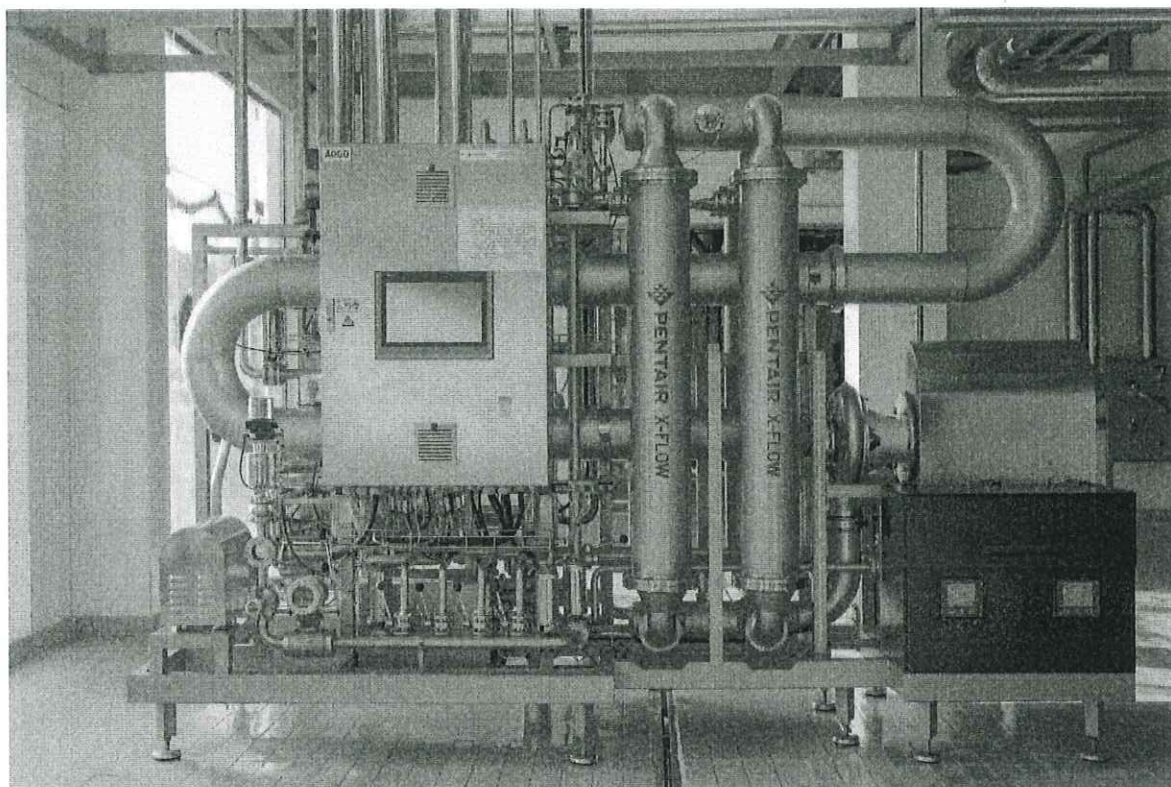


**Hệ thống chiết dung tích lớn**

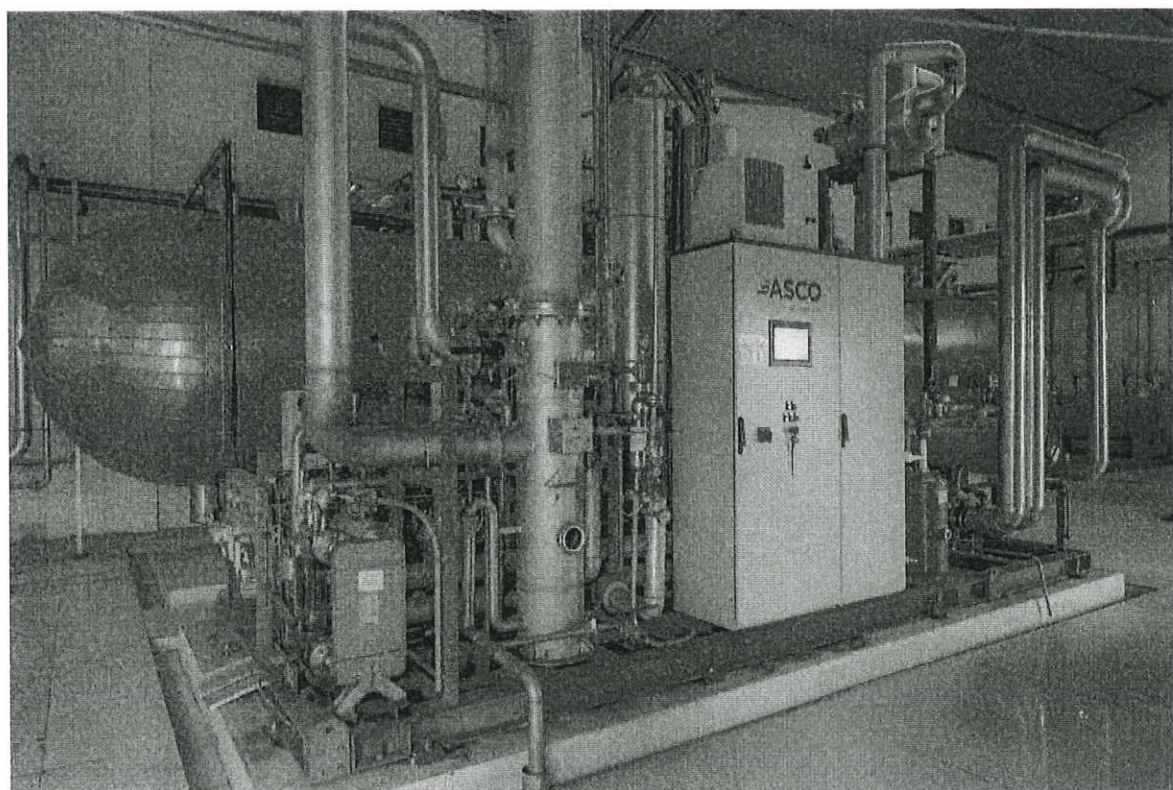


**Hệ thống chiết dung tích nhỏ**





Hệ thống lọc



Hệ thống thu hồi CO2



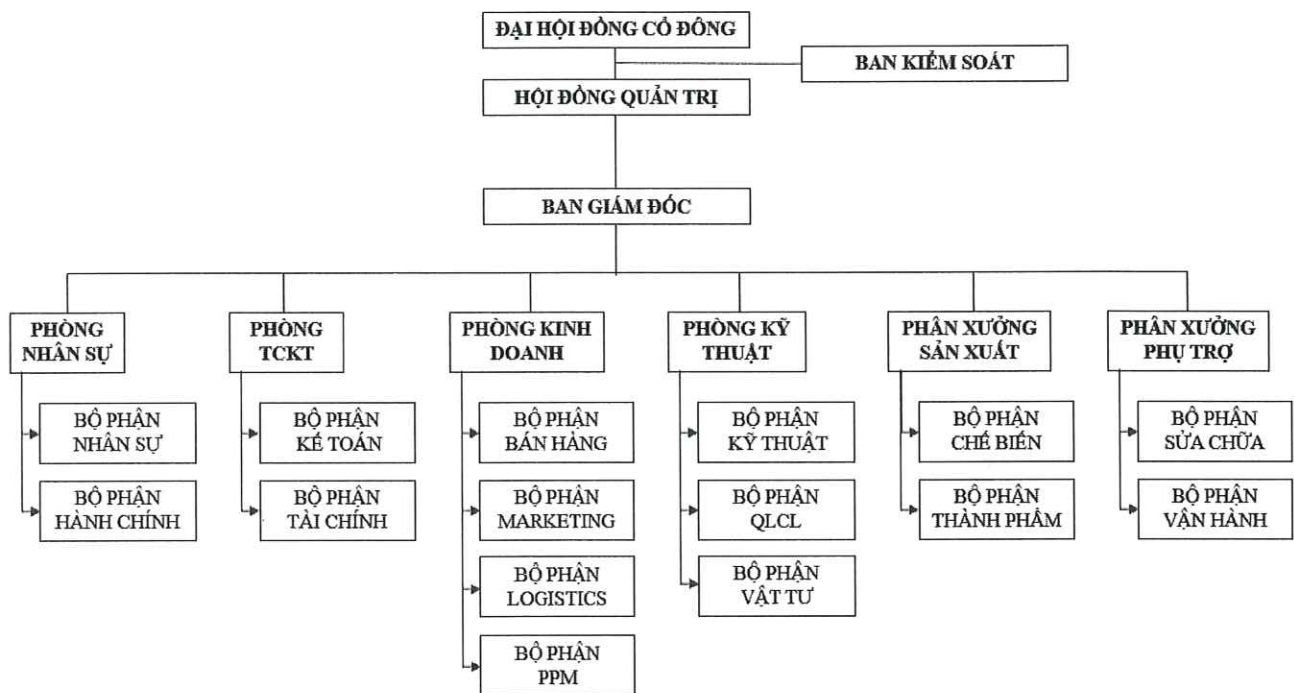
**Hệ thống xử lý nước**

(Nguồn: Habeco Trading 89)

### **3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hiện nay, Công ty hoạt động theo mô hình bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban, phân xưởng. Công ty cam kết xây dựng bộ máy quản lý phù hợp với quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng, công ty đăng ký giao dịch. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:



**Hình 3. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Công ty**

(Nguồn: Habeco Trading 89)

**3.1 Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua định hướng phát triển Công ty. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và quyết định về bộ máy của Công ty.

**3.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên, trong đó chỉ có 01 thành viên thuộc Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành các hoạt động của Công ty.

**Bảng 3. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ         |
|-----|------------------|-----------------|
| 1.  | Nguyễn Đặng Toàn | Chủ tịch HĐQT   |
| 2.  | Nguyễn Văn Việt  | Thành viên HĐQT |
| 3.  | Phạm Trung Kiên  | Thành viên HĐQT |

| STT | Họ và tên           | Chức vụ                       |
|-----|---------------------|-------------------------------|
| 4.  | Nguyễn Quang Nghiệp | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 5.  | Dương Như Quang     | Thành viên HĐQT               |
| 6.  | Phan Ngọc Anh       | Thành viên HĐQT               |
| 7.  | Nguyễn Hải Quân     | Thành viên HĐQT               |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

**3.3. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do ĐHCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. BKS có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, kiến nghị những biện pháp cải tiến quản lý. BKS Công ty hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

**Bảng 4. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của Công ty**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                  |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1.  | Nguyễn Tuấn Anh  | Trưởng Ban Kiểm soát     |
| 2.  | Nguyễn Bá Ngọc   | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3.  | Nguyễn Việt Dũng | Thành viên Ban Kiểm soát |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

**3.4. Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

**Bảng 5. Danh sách thành viên Ban Giám đốc của Công ty**

| STT | Họ và tên           | Chức vụ                          |
|-----|---------------------|----------------------------------|
| 1.  | Nguyễn Quang Nghiệp | Giám đốc                         |
| 2.  | Đào Thị Thu Hằng    | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| 3.  | Phạm Ngọc Hà        | Phó Giám đốc                     |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

**3.5. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ****a. Phòng Nhân sự****➤ Chức năng**

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ người lao động đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty cả về số lượng,



chất lượng (năng lực, ý thức thái độ, động lực và mức độ gắn kết).

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, tài sản, công dụng cụ, trang thiết bị văn phòng một cách đầy đủ, kịp thời với chất lượng tốt nhất.

➤ **Nhiệm vụ**

- **Về Quản trị Nhân sự**

+ Xây dựng khung Chính sách, quy định nội bộ về Quản trị Nhân sự:

- Xây dựng, quản lý, hướng dẫn triển khai hệ thống chính sách, chế tài về tuân thủ và quan hệ lao động: Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, khen thưởng – xử lý kỷ luật lao động, cơ chế đối thoại hai chiều...tại Habeco Trading 89.
- Xây dựng, cải tiến hệ thống văn bản quy chế, quy định, quy trình, cơ chế chính sách trong công tác tổ chức, quản trị, phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; văn bản hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy của pháp luật về Lao động, Bảo hiểm xã hội, ... hoặc các quy định về chính sách, cơ chế quản lý đối với các hoạt động nghiệp vụ có liên quan đến công tác quản trị nhân sự tại Công ty.
- Chủ trì triển khai xây dựng, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hệ thống chính sách lương thưởng, đãi ngộ đối với người lao động (NLĐ) đảm bảo nhất quán, công bằng, minh bạch, phù hợp với định hướng mục tiêu chiến lược của Công ty.
- Phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán triển khai xây dựng quỹ tiền lương, đơn giá tiền lương hằng năm và kiểm tra, giám sát việc thực hiện tình hình sử dụng quỹ tiền lương.
- Đầu mối xây dựng quy định, quy trình, hướng dẫn, biểu mẫu, công cụ phục vụ công tác Quản trị Nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng, tổ chức triển khai các phương pháp, chiến lược, chính sách về đo lường, xây dựng các định mức, tiêu chuẩn, đánh giá hiệu quả hoạt động của các khía cạnh liên quan đến nguồn nhân lực và hệ thống quản trị nhân sự (tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực, định mức lao động, chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI của người lao động).
- Xây dựng, triển khai Chiến lược nhận diện tìm kiếm, tạo nguồn nhân tài đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn cán bộ lãnh đạo, chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn sâu để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Habeco Trading 89.

+ Tuyển dụng:

- Chủ trì xây dựng định biên nhân sự và kế hoạch tuyển dụng hàng năm phù hợp và hỗ trợ Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tạo nguồn ứng viên, xây dựng nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu và định hướng phát triển của Công ty.

- Tổ chức tuyển dụng và sắp xếp nhân sự phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty theo từng giai đoạn phát triển.
- + Đào tạo – Phát triển nguồn nhân lực:
  - Xây dựng và Quản trị Khung năng lực, Lộ trình phát triển sự nghiệp của người lao động tại Habeco Trading 89.
  - Xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân sự cho hiện tại và tương lai.
  - Đầu mối tổ chức, triển khai đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự các cấp theo định hướng phát triển trong từng thời kỳ của Công ty.
  - Phối hợp cùng các Đơn vị nghiệp vụ của Habeco Trading 89 triển khai đánh giá, giám sát khả năng ứng dụng/vận dụng kiến thức, kỹ năng của cán bộ nhân viên sau đào tạo, bồi dưỡng.
  - Đề xuất giải pháp, phương pháp ứng dụng/vận dụng các kiến thức, kỹ năng đối với từng cấp cán bộ nhân viên tại Công ty.
- + Quản lý hiệu quả công việc người lao động:
  - Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện Hệ thống Khung chính sách cho quản lý hiệu quả công việc: Quy chế Quản lý hiệu quả công việc, Bộ tiêu chí KPI đánh giá hiệu quả công việc các chức danh, các quy trình, biểu mẫu nghiệp vụ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động.
  - Chủ trì thực hiện công tác đánh giá hiệu suất công việc đối với người lao động định kỳ.
- + Lương – Đãi ngộ:
  - Đầu mối tổ chức thực hiện các chính sách tiền lương, đãi ngộ, chính sách phúc lợi đối với người lao động minh bạch, đầy đủ, kịp thời và chính xác.
  - Chủ trì thực hiện công tác tính lương, thưởng, các khoản lương bổ sung, các chế độ đãi ngộ tài chính khác đối với người lao động.
  - Đề xuất, xây dựng các phương án xếp lương, chuyển xếp lương, điều chỉnh tiền lương định kỳ và đột xuất cho người lao động.
  - Đầu mối cung cấp số liệu, hồ sơ có liên quan theo quy định để thực hiện quyết toán quỹ tiền lương, thuế thu nhập cá nhân hằng năm.
- + Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp và truyền thông nội bộ:
  - Tham mưu Ban Lãnh đạo Công ty về Chiến lược hình thành, phát triển văn hóa Doanh nghiệp Habeco Trading 89.
  - Hoạch định, chủ trì triển khai các chương trình, hoạt động văn hóa tinh thần, phong trào, đoàn hội trong toàn công ty nhằm mục đích kết nối đội ngũ, tạo dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú cho cán bộ nhân viên Công ty.



- Triển khai các chương trình hoạt động truyền thông nội bộ offline - online và trên diễn đàn, mạng xã hội...
- + Quan hệ Lao động, Thủ tục Nhân sự:
  - Quản lý và giải quyết các mối quan hệ lao động trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Công ty và các quy định của Pháp luật.
  - Tổ chức thực hiện các thủ tục Nhân sự: Ký kết, điều chỉnh, gia hạn, chấm dứt quan hệ lao động với người lao động đúng quy định pháp luật và quy định nội bộ Habeco Trading 89.
  - Quản lý và cập nhật thông tin nhân sự, hồ sơ nhân viên đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.
  - Đầu mối thực hiện các báo cáo nhân sự phục vụ Ban lãnh đạo Công ty và cung cấp theo yêu cầu định kỳ hàng tháng/quý/năm/đợt xuất từ các cơ quan chức năng bên ngoài Habeco Trading 89.
- **Về Quản trị Hành chính - Tổng hợp:** Thực hiện, quản lý và kiểm soát các hoạt động liên quan bao gồm: Điều hành, quản lý và giám sát hoạt động của nhà ăn, lễ tân, đội xe, bảo vệ, cấp phát VPP, công cụ làm việc; đồng phục và phương tiện bảo hiểm lao động, lịch, quà tặng...
- + Quản lý tài sản, công dụng cụ, trang thiết bị:
  - Phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trình lãnh đạo Công ty quyết định ban hành.
  - Kiểm soát, quản lý việc mua sắm, sử dụng trang thiết bị văn phòng và cơ sở hạ tầng trong Công ty.
  - Thực hiện cấp phát, điều chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa, thu nhận, thanh lý và tiêu hủy tài sản trang thiết bị văn phòng, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng.
  - Giám sát sử dụng tài sản trang thiết bị văn phòng đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm; phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán kiểm soát phân bổ chi phí và khấu hao tài sản trang thiết bị văn phòng.
  - Định kỳ theo quy định tổ chức kiểm kê, lập báo cáo danh mục, số lượng, tình trạng tài sản, trang thiết bị văn phòng trên toàn Công ty.
- + Văn thư lưu trữ:
  - Xây dựng, chủ trì triển khai quản lý văn thư lưu trữ hồ sơ tài liệu của Công ty.
  - Quản lý, sử dụng con dấu đúng mục đích, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
  - Tiếp nhận, xử lý công văn đi và công văn đến của Công ty.
  - Tổ chức thực hiện công tác bảo mật, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Công ty theo quy định.

- Báo cáo định kỳ danh mục hồ sơ lưu trữ.
- + Công tác đối ngoại, đoàn thể.
- + Hạ tầng Công nghệ thông tin:
  - Chủ trì xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu công việc.
  - Quản trị hệ thống máy chủ, quản trị kỹ thuật website, hệ thống mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu của Công ty.
  - Quản lý thiết bị công nghệ và đề xuất các phương án bảo trì, nâng cấp hệ thống, thay đổi dịch vụ theo nhu cầu phát triển của Công ty.

**b. Phòng Tài chính Kế toán****➤ Chức năng**

Tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý nguồn vốn hiệu quả nhằm đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra theo đúng quy định của pháp luật và phát triển thuận lợi và đạt hiệu quả tốt nhất.

**➤ Nhiệm vụ**

- Công tác tài chính:
  - + Lập kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm đồng thời định kỳ báo cáo hoặc báo cáo theo yêu cầu của Ban Giám đốc về tình hình tài chính của Công ty.
  - + Phân tích tài chính, đánh giá về mặt tài chính các dự án mà Công ty thực hiện.
  - + Theo dõi việc thực hiện kế hoạch tài chính đã được duyệt. Báo cáo Ban Giám đốc tình hình sử dụng vốn và đề xuất biện pháp điều chỉnh hợp lý.
  - + Thường xuyên thu thập, phân loại, xử lý các thông tin về tài chính trong sản xuất kinh doanh, báo cáo kịp thời cho lãnh đạo Công ty tình hình tài chính của Công ty.
  - + Chuẩn bị đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - + Quan hệ với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng... trong hoạt động vay vốn trung hạn, dài hạn, ngắn hạn và lưu chuyển tiền tệ.
  - + Đánh giá hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.
  - + Lập và đánh giá báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
  - + Lập và báo cáo nguồn vốn huy động cho các hoạt động đầu tư ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Công tác kế toán:
  - + Tổ chức hệ thống kế toán theo theo chuẩn mực kế toán và các quy định của Bộ tài chính và Pháp luật nhà nước.



- + Ghi chép và hạch toán đúng, đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với quy định của Nhà nước và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục kế toán.
- + Phổ biến, hướng dẫn các Phòng chuyên môn thực hiện thủ tục tạm ứng, hoàn ứng và các thủ tục tài chính khác theo Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
- + Phối hợp với các Phòng Ban chức năng để định kỳ đánh giá tình hình sử dụng tài sản của Công ty theo Quy chế của Công ty.
- + Phối hợp với các Phòng Ban chức năng khác để lập giá mua, giá bán vật tư hàng hoá trước khi trình Tổng Giám đốc duyệt.
- + Kiểm soát mua sắm thiết bị, sửa chữa tài sản theo đúng quy định của Nhà Nước và Công ty.
- + Thực hiện việc kiểm kê định kỳ, xác định tài sản thừa, thiếu, đề xuất với Ban Lãnh đạo biện pháp xử lý.
- + Phân tích các thông tin kế toán theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.
- + Quản lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, hạch toán theo chế độ hiện hành.
- + Theo dõi nguồn vốn của công ty, quyết toán các công trình để xác lập nguồn vốn.
- + Tiến hành các thủ tục, thanh quyết toán các loại thuế với cơ quan thuế.
- + Phối hợp với các Phòng ban liên quan tổ chức nghiệm thu từng phần và nghiệm thu toàn bộ công trình để quyết toán với đầu tư.
- + Theo dõi, lập kế hoạch và thu hồi công nợ của khách hàng đầy đủ, nhanh chóng bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty.
- + Lập và nộp các báo cáo tài chính đúng và kịp thời cho các cơ quan thẩm quyền theo đúng chế độ quy định của Nhà nước.
- + Tổ chức khoa học công tác kế toán phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy tổ chức của Công ty.
- + Chấp hành quyết định của Ban kiểm soát về việc kiểm tra hoạt động kế toán tài chính.
- + Áp dụng khoa học quản lý tiên tiến vào công tác kế toán, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ kế toán, đề xuất các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty.

### **c. Phòng Kinh doanh**

#### **➤ Chức năng**

Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc và chịu trách nhiệm toàn bộ về các chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty; xây dựng Hệ thống



chính sách quản lý kinh doanh; công tác triển khai marketing sản phẩm, phát triển thương hiệu và thị trường, chăm sóc khách hàng và tổ chức bán hàng, quản lý kho, điều vận và sắp xếp vận chuyển đến tận tay nhà phân phối và khách hàng nhằm duy trì và đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh của Công ty.

➤ **Nhiệm vụ**

- Xây dựng chiến lược kinh doanh – marketing của Công ty, kế hoạch phát triển, mở rộng sản phẩm lĩnh vực hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp các bộ phận liên quan, chịu trách nhiệm xây dựng thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, nhãn sản phẩm mới...
- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ năm, quý và tháng trình Ban Giám đốc phê duyệt.
- Phát triển mạng lưới bán hàng: phân tích, nhận diện thị trường và xác định phương pháp triển khai thị trường mới.
- Xây dựng, tổ chức, thực hiện hoạt động chăm sóc khách hàng. Tiếp nhận đơn khiếu nại của khách hàng và đề xuất hướng giải quyết. Đề xuất hoạt động quảng cáo xúc tiến bán hàng.
- Lập, phân bổ và kiểm soát ngân sách marketing phù hợp với mục tiêu phát triển các dòng sản phẩm và các hoạt động marketing.
- Phối hợp với khối sản xuất tư vấn chăm sóc khách hàng, xử lý sản phẩm lỗi ngoài thị trường.
- Phối hợp và triển khai thực hiện với các Phòng, Phân xưởng liên quan trong việc thực hiện các chương trình marketing nghiên cứu thị trường/ sản phẩm/ đối thủ cạnh tranh/ đối tượng tiêu dùng, và chương trình marketing tổng lực toàn Công ty.
- Tổ chức thực hiện, quản lý hệ thống kho tàng, bến bãi, hàng hoá (X-N-T) trong công ty. Vận chuyển, lưu thông hàng hoá.

**d. Phòng Kỹ thuật**

➤ **Chức năng**

Phòng Kỹ thuật có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban Lãnh đạo, đầu mối trực tiếp là Phó Giám đốc phụ trách Sản xuất, trong lĩnh vực quản lý điều hành sản xuất, nghiên cứu phát triển các sản phẩm, ứng dụng mới, quản lý chất lượng sản phẩm từ nguyên vật liệu đầu vào đến thành phẩm, trang thiết bị sản xuất, quản lý vận hành, sửa chữa, an toàn các thiết bị sản xuất, thiết bị phân tích, thí nghiệm, phương tiện phục vụ an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường để đảm bảo hiệu quả vận hành sản xuất.

➤ **Nhiệm vụ**

- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu, Quy trình công nghệ sản xuất. Quản lý bí quyết về công nghệ và quy trình công nghệ.



- Chủ trì triển khai các chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, quy trình, dây chuyền sản xuất mới từ đó ứng dụng vào sản phẩm, tổ chức sản xuất để liên tục duy trì lợi thế cạnh tranh của Doanh nghiệp.
- Xây dựng hướng dẫn kiểm soát quá trình sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng của Công ty ban hành. Xây dựng kế hoạch HACCP và thẩm tra HACCP theo định kỳ tháng, quý, năm.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan để quản lý, lên kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, máy móc thiết bị toàn công ty.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan xây dựng quy trình vệ sinh lao động, an toàn lao động cho các bộ phận.
- Giám sát thông số kỹ thuật theo ca sản xuất về việc tuân thủ quy trình công nghệ, quy trình vệ sinh và bảo dưỡng máy móc thiết bị tại các công đoạn trong sản xuất.
- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Tổng hợp báo cáo đề xuất sáng kiến, cải tiến sản xuất để trình Ban giám đốc phê duyệt và tổ chức triển khai áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị, hồ sơ ứng dụng công nghệ mới. Thiết lập, lưu trữ cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác nghiên cứu và thiết lập bộ sản phẩm của công ty. Quản lý hồ sơ liên quan tới công tác quản lý đăng ký chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thống kê số liệu báo cáo các phòng chức năng liên quan tới sản xuất của Tổng công ty và các cơ quan chức năng quản lý khác.
- Đề xuất các biện pháp giải quyết khi có sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất, trình Ban giám đốc quyết định và phối hợp với các bên liên quan xử lý, giải quyết.
- Phụ trách mua, bán, quản lý vật tư, trang thiết bị sản xuất.

#### **e. Phân xưởng sản xuất**

##### **➤ Chức năng**

Chịu trách nhiệm, chủ trì triển khai lập kế hoạch sản xuất, vật tư, quản lý điều hành trực tiếp khối sản xuất bao gồm nấu, lên men, lọc, chiết theo kế hoạch tháng, quý, năm đã được Ban Giám đốc phê duyệt để đảm bảo sản lượng, năng suất, chất lượng sản phẩm trong các công đoạn sản xuất theo kế hoạch.

##### **➤ Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch sản xuất dựa trên kế hoạch kinh doanh trình lãnh đạo phê duyệt.
- Tổ chức điều hành sản xuất, quản lý các nguồn lực của phân xưởng và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quy định; bảo đảm các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật và an toàn máy móc thiết bị, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

- Đảm bảo kế hoạch và tiến độ sản xuất, tổ chức triển khai các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Lập kế hoạch vật tư, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sản xuất, vật tư phụ tùng sửa chữa thay thế .... Trên nhu cầu của từng bộ phận sản xuất đã được phê duyệt.
- Thực hiện báo cáo định kỳ cho Ban giám đốc theo quy định.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan đưa ra các biện pháp giải quyết khi có sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Phối hợp với các phòng ban, phân xưởng thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ và theo kế hoạch được duyệt.

**f. Phân xưởng phụ trợ****➤ Chức năng**

- Chịu trách nhiệm, chủ trì công tác quản lý, sửa chữa và bảo trì bảo dưỡng hệ thống thiết bị nhà máy để đảm bảo máy móc vận hành ổn định, không bị gián đoạn trong sản xuất.
- Đảm bảo cung cấp đủ các nguồn năng lượng và các sản phẩm phụ trợ phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty.
- Quản lý vận hành hệ thống thiết bị và hồ sơ liên quan tới công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Pháp luật.

**➤ Nhiệm vụ**

- Thực hiện sửa chữa hệ thống máy móc thiết bị định kỳ theo kế hoạch và trực tiếp xử lý các sự cố đột xuất xảy ra trong quá trình sản xuất.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan để lên kế hoạch bảo trì bảo dưỡng hệ thống thiết bị nhà máy.
- Quản lý các nguồn lực của phân xưởng, vận hành đảm bảo chất lượng điện, nước, khí nén, CO2, hơi bão hòa... theo các tiêu chuẩn quy định, an toàn máy móc thiết bị, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động. Quản lý và vận hành hệ thống máy, thiết bị phục vụ công tác Phòng cháy chữa cháy.
- Đảm bảo cung cấp đúng, đủ các nguồn lực cho yêu cầu sản xuất, phối hợp với các bộ phận liên quan để tổ chức triển khai các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải theo quy định của Pháp luật.
- Trực tiếp khai thác và xử lý nước ngầm theo quy trình công nghệ của Công ty và quy định của Pháp luật.
- Quản lý hồ sơ liên quan tới công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.
- Xây dựng kế hoạch chi phí trên cơ sở kế hoạch sửa chữa theo định kỳ.
- Các nhiệm vụ khác liên quan và theo yêu cầu của Ban Giám đốc.



**4. Cơ cấu cổ đông****4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty****Bảng 6. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 20/03/2025**

| Stt       | Cổ đông                                                                                   | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ (%)     |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Cổ đông trong nước, nước ngoài</b>                                                     |                  |                   |               |
| <b>1</b>  | <b>Trong nước</b>                                                                         | 105              | 6.000.000         | 100%          |
| 1.1       | Nhà nước                                                                                  | -                | -                 | -             |
| 1.2       | Tổ chức                                                                                   | 4                | 2.920.000         | 48,67%        |
| 1.3       | Cá nhân                                                                                   | 101              | 3.080.000         | 51,33%        |
| <b>2</b>  | <b>Nước ngoài</b>                                                                         | -                | -                 | -             |
| 2.1       | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | -                | -                 | -             |
| 2.2       | Cá nhân                                                                                   | -                | -                 | -             |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                                                          | <b>105</b>       | <b>6.000.000</b>  | <b>100,0%</b> |
| <b>II</b> | <b>Cổ đông lớn, cổ đông khác</b>                                                          |                  |                   |               |
| 1         | Cổ đông lớn                                                                               | 5                | 3.540.000         | 59,0%         |
| 2         | Cổ đông khác                                                                              | 100              | 2.460.000         | 41,0%         |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                                                          | <b>105</b>       | <b>6.000.000</b>  | <b>100.0%</b> |

(Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 20/03/2025)

**4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty****Bảng 7. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/03/2025**

| STT | Họ và tên                                  | CMND/CCCD/<br>Hộ chiếu/<br>GCNĐKKD | Địa chỉ                                     | Số lượng<br>CP sở hữu | Tỷ lệ<br>(%) |
|-----|--------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|--------------|
| 1   | Công ty cổ phần Sành Sứ Thủy tinh Việt Nam | 4103005778                         | 20-24 Nguyễn Công Trứ - TP HCM              | 1.200.000             | 20,0%        |
| 2   | Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội      | 0102111943                         | 183 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội       | 750.000               | 12,5%        |
| 3   | Công ty TNHH Hải Hà                        | 2700117977                         | Số 22 - Cát Linh - Tân Thành - TP Ninh Bình | 670.000               | 11,2%        |
| 4   | Trương Thị Hòa                             | 010402149                          | Số 15 ngõ 71 Linh Lang - Cổng Vĩ - Ba       | 620.000               | 10,3%        |

| STT              | Họ và tên                                                   | CMND/CCCD/<br>Hộ chiếu/<br>GCNĐKKD | Địa chỉ                                     | Số lượng<br>CP sở hữu | Tỷ lệ<br>(%) |
|------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|--------------|
|                  |                                                             |                                    | Đình - HN                                   |                       |              |
| 5                | Tổng công ty CP<br>Bia - Rượu -<br>Nước giải khát<br>Hà Nội | 0101376672                         | 183 Hoàng Hoa<br>Thám - Ba Đình - Hà<br>Nội | 300.000               | 5,0%         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                             |                                    |                                             | <b>3.540.000</b>      | <b>59.0%</b> |

(Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 20/03/2025)

#### 4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”. Như vậy, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Công ty được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp dưới hình thức là công ty cổ phần vào ngày 14/05/2007. Vì vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập không bị hạn chế chuyển nhượng.

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng**

**5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng.**

Không có.

**5.2. Công ty con, công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.**

Không có.

**5.3. Danh sách Công ty liên kết**

Không có.

**6. Hoạt động kinh doanh**

**6.1. Các sản phẩm chính của Công ty**

Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 có ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là sản xuất các loại bia. Trong suốt quá trình 18 năm hình thành và phát triển,



Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, liên tục nghiên cứu và cho ra đời các sản phẩm bia mới phù hợp với xu hướng của người tiêu dùng với mong muốn đem tới cho khách hàng những sản phẩm bia có chất lượng tốt nhất, hương vị truyền thống, đậm đà với giá thành hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty cũng liên tục đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại bổ sung vào dây truyền sản xuất bia, các nguồn nguyên liệu đầu vào được đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và quá trình sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ, tỉ mỉ. Hiện nay, Công ty đang sản xuất 03 (ba) dòng sản phẩm chính, bao gồm: Bia hơi Hà Nội, Bia địa phương và Bia gia công. Trong đó, Bia Licensed là sản phẩm được ủy quyền sản xuất và bán sản phẩm theo thương hiệu Bia Hơi Hà Nội thuộc Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội và thị trường phân phối phụ thuộc vào quy định của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội trong từng thời kỳ. Hiện nay, Công ty có khoảng 5.500 điểm bán hàng ở các khu vực miền Bắc và miền Nam. Các sản phẩm Công ty đang sản xuất và kinh doanh, cụ thể như sau:

#### **Bia hơi Hà Nội**

**Thành phần:** nước, malt đại mạch, gạo, đường và hoa Houblon.

**Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng):** 9,9 - 10,2

**Hàm lượng cồn ở 20°C:**  $4,1 \pm 0,3$

**Bao bì:** Bia được đóng chai keg inox, có dán nhãn và đóng nắp niêm phong in logo Công ty

**Nhiệt độ bảo quản:** 4 – 6°C

**Hạn sử dụng:** Theo tiêu chuẩn của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.



#### **Bia địa phương**

**Thành phần:** nước, malt đại mạch, hoa Houblon, gạo, có thể có đường...

**Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng):** 10 -  $10,35 \pm 0,15$

**Hàm lượng cồn ở 20°C:**  $4,1 - 4,3 \pm 0,3$

**Bao bì:** Bia được đóng chai keg inox, có dán nhãn và đóng nắp niêm phong in logo Công ty

**Nhiệt độ bảo quản:** 4 – 6°C

**Hạn sử dụng:** Theo tiêu chuẩn của Bản tự công bố sản phẩm.



**Bia gia công**

**Thành phần:** nước, malt đại mạch, hoa Houblon. Gạo

**Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng):**  $10,3 \pm 0,35$

**Hàm lượng cồn ở 20°C:**  $4,1 \pm 0,3$

**Bao bì:** Theo quy cách của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

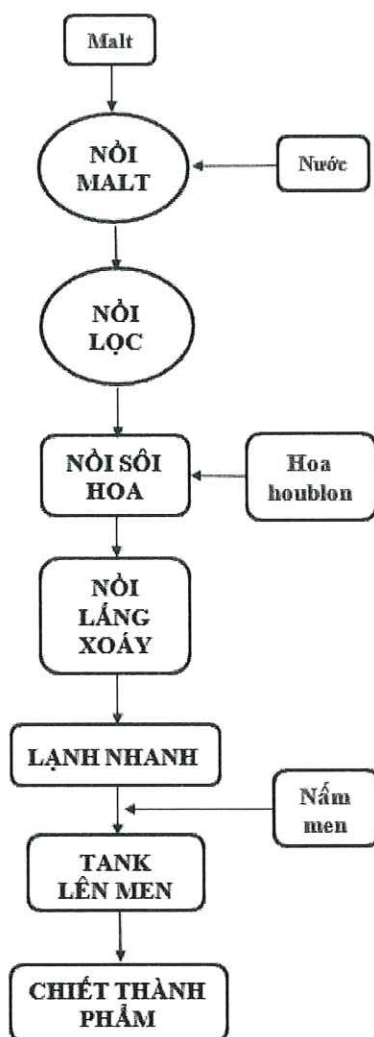
**Nhiệt độ bảo quản:** 4 – 6°C

**Hạn sử dụng:** Theo tiêu chuẩn của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

**6.2. Quy trình sản xuất**

Quy trình sản xuất bia của Công ty được thể hiện trong sơ đồ sau:

**Hình 4. Quy trình sản xuất bia của Công ty**



Chi tiết quy trình sản xuất bia như sau:

**Nồi malt:**

Malt từ xylo chứa sau khi được rây sàng để tách bụi, tách sạn, tách bản được đưa xuống máy



nghiên. Malt nghiền được chuyển vào nồi malt để tiến hành quá trình đậm hóa và đường hóa. Quá trình đường hoá kết thúc, dịch được bơm sang nồi lọc trong trước khi chuyển sang nồi sôi hoa.

#### **Nồi hoa:**

Tại nồi hoa, dịch đường được bổ sung hoa houblon. Quá trình sôi hoa nhằm kết tủa polyphenol và trích ly hoa houblon đồng thời tạo dịch đường có hương vị hài hòa cho quá trình lên men. Quá trình này gọi là quá trình sôi hoa.

#### **Lắng xoáy:**

Kết thúc quá trình sôi hoa dịch đường được bơm sang nồi lắng xoáy để lắng cặn. Sau đó dịch đường được bơm qua thiết bị trao đổi nhiệt để hạ nhiệt độ.

#### **Lạnh nhanh:**

Dịch đường được lạnh nhanh để đưa về nhiệt độ lên men 19 – 21 °C. Trong quá trình lạnh nhanh dịch đường được bổ sung men bia và sục oxy.

#### **Lên men:**

Lên men là quá trình chuyển hóa từ dịch đường thành bia nhờ nấm men. Lên men được chia thành 2 giai đoạn: Lên men chính và lên men phụ. Khi quá trình lên men phụ và tàng trữ bia non kết thúc thì tiến hành chiết bia.

#### **Chiết thành phẩm:**

Bia bán thành phẩm sau thời gian lên men phụ đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng được đưa vào thiết bị chiết thành phẩm. Bia thành phẩm sau chiết sẽ được bảo quản ở nhiệt độ 4-14°C, tránh ánh sáng trực tiếp trong quá trình lưu kho và vận chuyển đến khách hàng tại điểm bán.

### **6.3. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty chia theo sản phẩm**

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trong 02 niên độ tài chính gần nhất như sau:

**Bảng 8. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty chia theo sản phẩm**

*Đvt: Triệu đồng*

| Sản phẩm         | Năm 2023       |              | Năm 2024       |              | % tăng (giảm)<br>2024/2023 |
|------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị        | Tỷ trọng (%) |                            |
| Bia hơi Hà Nội   | 104.058        | 42,53%       | 95.305         | 36,54%       | -8,41%                     |
| Bia địa phương   | 104.032        | 42,52%       | 116.856        | 44,80%       | 12,33%                     |
| Bia gia công     | 33.929         | 13,87%       | 43.018         | 16,49%       | 26,79%                     |
| Khác             | 2.626          | 1,07%        | 5.651          | 2,17%        | 115,19%                    |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>244.645</b> | <b>100%</b>  | <b>260.830</b> | <b>100%</b>  | <b>6,62%</b>               |

*(Nguồn: Habeco Trading 89)*

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, bia hơi Hà Nội và bia địa phương là 2 sản phẩm

chính đóng góp phần phần lớn cho doanh thu của Công ty. Trong năm 2024, doanh thu thuần từ sản phẩm bia hơi Hà Nội đạt 95.305 triệu đồng, giảm 8,41% so với năm 2023. Doanh thu thuần của bia hơi Hà Nội giảm là do giai đoạn cuối năm 2023, Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội quyết định tăng giá bán đối với dòng sản phẩm bia hơi Hà Nội khiến sản lượng bán ra trong năm 2024 bị sụt giảm, bên cạnh đó sự cạnh tranh khốc liệt của các công ty thành viên trong cùng hệ thống có địa bàn kinh doanh khu vực miền Bắc như Hưng Yên, Hải Dương...cùng sản xuất dòng bia hơi Hà Nội đã khiến cho thị phần của Công ty bị giảm đáng kể. Ngược lại, doanh thu thuần từ sản phẩm bia địa phương tăng 12,33% so với năm 2023, đạt 116.856 triệu đồng, nhờ lợi thế về trang thiết bị và nhân lực đã góp phần giúp giá thành của sản phẩm bia địa phương được chào bán ra thị trường ở mức hợp lý, nhờ đó gia tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao sản lượng bán ra của Công ty. Phần còn lại trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty đến từ sản phẩm bia gia công đóng góp khoản 13%-17% trong cơ cấu doanh thu thuần năm 2023 và 2024 và doanh thu thuần từ các sản phẩm khác chiếm dưới 3%.

#### 6.4. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty chia theo sản phẩm

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty trong 02 niên độ tài chính gần nhất như sau:

**Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty chia theo sản phẩm**

Đvt: Triệu đồng

| Sản phẩm         | Năm 2023      |                 | Năm 2024      |                 | % tăng<br>(giảm)<br>2024/2023 |
|------------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|-------------------------------|
|                  | Giá trị       | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị       | Tỷ trọng<br>(%) |                               |
| Bia hơi Hà Nội   | 39.856        | 63,88%          | 40.570        | 54,58%          | 1,79%                         |
| Bia địa phương   | 16.439        | 26,35%          | 24.220        | 32,58%          | 47,33%                        |
| Bia gia công     | 4.844         | 7,76%           | 8.499         | 11,43%          | 75,45%                        |
| Khác             | 1.254         | 2,01%           | 1.044         | 1,40%           | -16,75%                       |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>62.393</b> | <b>100%</b>     | <b>74.333</b> | <b>100%</b>     | <b>19,14%</b>                 |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty, bia hơi Hà Nội đóng góp phần lớn vào lợi nhuận gộp của Công ty, cụ thể tỷ trọng sản phẩm bia hơi Hà Nội trong năm 2023 và năm 2024 lần lượt là 63,88% và 54,58%; tiếp theo là sản phẩm bia địa phương đóng góp 26,35% lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2023 và đóng góp 32,58% lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2024; còn lại là tỷ trọng lợi nhuận gộp của bia gia công và các sản phẩm khác chiếm dưới 13% tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Trong năm 2024, Công ty đã đưa thêm hệ thống máy móc thiết bị mới vào sản xuất giúp giúp tiết kiệm nhiên liệu, đồng thời giá malt giảm đã tạo điều kiện giúp công ty tăng lợi nhuận gộp thu được từ các sản phẩm chính của Công ty. Cụ thể, lợi nhuận gộp của bia địa phương đạt 24.220 triệu đồng, tăng 47,33% so với năm 2023 và lợi nhuận gộp của bia gia công đạt 8.499 triệu đồng, tăng 75,45% so với năm 2023.



**6.5. Cơ giá vốn hàng bán của Công ty chia theo sản phẩm**

Tỷ trọng các loại chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 10. Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty chia theo sản phẩm**

Đvt: Triệu đồng

| Sản phẩm         | Năm 2023       |                 | Năm 2024       |                 | % tăng<br>(giảm)<br>2024/2023 |
|------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|-------------------------------|
|                  | Giá trị        | Tỷ trọng<br>(%) | Giá trị        | Tỷ trọng<br>(%) |                               |
| Bia hơi Hà Nội   | 64.202         | 35,23%          | 54.735         | 29,35%          | -14,75%                       |
| Bia địa phương   | 87.593         | 48,06%          | 92.636         | 49,67%          | 5,76%                         |
| Bia gia công     | 29.085         | 15,96%          | 34.519         | 18,51%          | 18,68%                        |
| Khác             | 1.372          | 0,75%           | 4.607          | 2,47%           | 235,79%                       |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>182.252</b> | <b>100%</b>     | <b>186.497</b> | <b>100%</b>     | <b>2,33%</b>                  |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

Tổng giá vốn hàng bán năm 2024 là 186.497 triệu đồng, tăng 2,33% so với năm 2023. Trong đó Bia hơi Hà Nội và Bia địa phương là hai dòng sản phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm hơn 80% trong cơ cấu tổng giá vốn hàng bán của Công ty. Trong năm 2024, do các tác động từ việc giảm giá malt – nguyên vật liệu chính trong ngành sản xuất bia giúp giá vốn hàng bán của bia Hà Nội giảm 14,75% so với năm 2023 và giá vốn hàng bán của bia địa phương tăng nhưng không đáng kể, tăng 5,76%. Mặt khác, giá vốn hàng bán từ các sản phẩm khác ghi nhận chênh lệch khá lớn giữa năm 2024 và năm 2023, tăng 235,79%, lý giải điều này là do trong năm 2023 Công ty tự vận tải trực tiếp sản phẩm đến cho khách hàng, tuy nhiên sang đến 2024 số lượng khách hàng của Công ty tăng lên gấp 3-4 lần dẫn đến Công ty phải thuê vận tải bên ngoài khiến chi phí giá vốn vận tải tăng lên đáng kể.

**7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất****7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong 02 năm gần nhất được tóm tắt ở bảng sau:

**Bảng 11. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu             | Năm 2023 | Năm 2024 | %<br>tăng(giảm)<br>2024/2023 |
|-----|----------------------|----------|----------|------------------------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản | 195.649  | 204.872  | 4,71%                        |
| 2   | Vốn chủ sở hữu       | 87.029   | 86.098   | -1,07%                       |
| 3   | Doanh thu thuần      | 244.645  | 260.830  | 6,62%                        |

| STT | Chỉ tiêu                                      | Năm 2023 | Năm 2024 | %<br>tăng(giảm)<br>2024/2023 |
|-----|-----------------------------------------------|----------|----------|------------------------------|
| 4   | Giá vốn hàng bán                              | 182.252  | 186.497  | 2,33%                        |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 62.393   | 74.333   | 19,14%                       |
| 6   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       | 5.555    | 6.320    | 13,77%                       |
| 7   | Lợi nhuận khác                                | (328)    | (310)    | -                            |
| 8   | Lợi nhuận trước thuế                          | 5.227    | 6.010    | 14,98%                       |
| 9   | Lợi nhuận sau thuế                            | 4.068    | 4.669    | 14,77%                       |
| 10  | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                    | 147,48%  | 64,25%   | -                            |
| 11  | Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ                 | 10%      | 5%       | -                            |
| 12  | Giá trị sổ sách của Công ty                   | 14.505   | 14.350   | -1,07%                       |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Năm 2024 đánh dấu một năm Chính phủ chủ động, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô. Lạm phát cơ bản được kiểm soát, sản xuất phục hồi ấn tượng, đầu tư nước ngoài khởi sắc. Tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 đạt 7,09% - là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Riêng ngành bia Việt Nam tiếp tục trải qua giai đoạn đầy thách thức trước tác động kép của các quy định về thắt chặt kiểm soát nồng độ cồn và sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng. Dù vậy, với nỗ lực thích ứng với những thay đổi của thị trường, bức tranh kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành bia nói chung và Habeco Trading 89 đã có phần khởi sắc hơn trong năm 2024.

Trong năm 2024, doanh thu thuần của Công ty đạt 260.830 triệu đồng, tăng 6,62% so với năm 2023. Giá vốn hàng bán năm 2024 tăng chậm hơn (tăng 2,33%) giúp lợi nhuận gộp năm 2024 tăng lên đến 19,14% so với năm 2023, đạt 74.333 triệu đồng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 6.320 triệu đồng (tăng 13,77%). Trong năm 2024 giá nguyên vật liệu đầu vào đặc biệt là giá malt giảm – nguyên liệu chính cho ngành sản xuất bia đã góp phần làm chậm lại quá trình tăng giá vốn hàng bán của Công ty. Cùng với đó là nỗ lực cải thiện hoạt động kinh doanh bao gồm các biện pháp tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể, Công ty đã đưa hệ thống máy móc mới vào sản xuất giúp tối ưu sản lượng và tiết kiệm nguyên, vật liệu đầu vào. Nhờ đó, trong năm 2024 Công ty đã đạt được 4.669 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 14,77% so với năm 2023.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### Thuận lợi

Năm 2024 chứng kiến sự phân hóa rõ rệt trong bức tranh ngành bia Việt Nam, phân khúc bia cao cấp tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt ở các thành phố lớn, khi người tiêu dùng



ngày càng ưu tiên chất lượng. Sự phục hồi của nền kinh tế và ngành du lịch sẽ thúc đẩy tiêu dùng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp bia. Xu hướng tiêu dùng cũng đang thay đổi, với sự gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm bia không cồn, bia có nồng độ cồn thấp và bia cao cấp.

#### **✦ Khó khăn**

Năm 2024, ngành bia tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức chưa có dấu hiệu suy giảm. Nguyên nhân chủ yếu là do các doanh nghiệp ngành đồ uống hiện nay chịu tác động kép từ tình hình thế giới và những chính sách liên quan. Theo đó, đồ uống có cồn là mặt hàng chịu nhiều hạn chế từ Luật Phòng chống tác hại rượu bia, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thương mại, Luật Quảng cáo, thương mại điện tử... Các chính sách hỗ trợ cắt giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) không được áp dụng đối với ngành đồ uống có cồn. Giá nguyên liệu đầu vào đối với ngành sản xuất đồ uống tăng cao từ 15%-30%.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến xử lý vi phạm nồng độ cồn áp dụng cho các đối tượng tham gia giao thông, lâu dài sẽ thay đổi thói quen của người tiêu dùng, một số nhóm khách hàng đã tuyệt đối không dùng những sản phẩm có cồn đặc biệt là các tài xế... điều này kéo theo suy giảm về sản lượng, doanh thu của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất rượu, bia đặt ra yêu cầu đối với các doanh nghiệp cần phải nghiên cứu, điều chỉnh sản phẩm bia rượu, đảm bảo phù hợp với xu thế thị trường và xu thế tiêu dùng.

Ngoài các khó khăn nêu trên, trong năm 2024, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng nặng nề do ảnh hưởng từ cơn bão số 3 và lũ lụt sau bão, cụ thể: 136 điểm bán hàng bị hỏng thiết bị, 137 điểm bị mất mái, 880 điểm bán bị hỏng biển bảng, vật dụng quảng cáo ngoài trời và 477 điểm bán ngừng kinh doanh hoàn toàn.

#### **7.3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty**

Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 số 24.12.5.1/24/BCKT/NVA.VP ngày 27/02/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán NVA, kiểm toán viên có ý kiến như sau: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

#### **Vấn đề khác**

*Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán, báo cáo kiểm toán số 042/2023/BCTC-FAC lập ngày 14/03/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.”*

## **8. Vị thế của Công ty trong ngành**

### **8.1. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Habeco Trading 89 được thành lập vào ngày 14/05/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 30.000.000.000 đồng. Đến năm 2017, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên đến 60.000.000.000 đồng thông qua phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty bao gồm sản xuất các loại bia; chưng, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh, sản xuất rượu vang, đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh khách sạn, dịch vụ nhà hàng, ăn uống; kinh doanh vận tải hàng hoá; kinh doanh nông, lâm, thủy sản; kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh phân bón, hoá chất.

Những tác động đến từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP, đại dịch Covid 19 và biến động tiêu cực của tình hình kinh tế - chính trị thế giới đã tạo ra động lực để Habeco Trading 89 nghiên cứu và cho ra mắt các dòng sản phẩm mới, bao gói tiện dụng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Các hoạt động truyền thống, marketing thương hiệu và các sản phẩm của Habeco Trading 89 cũng được đẩy mạnh trên nền tảng số - kênh truyền thông tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả nhất hiện nay. Cùng với đó, các hoạt động giới thiệu sản phẩm tại điểm bán, chương trình khuyến mại với giá trị giải thưởng lớn cũng được Habeco Trading 89 đẩy mạnh vào dịp cuối năm, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng tham gia.

Cùng với việc đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường, chiến lược phát triển bền vững được Habeco Trading 89 cụ thể hóa qua các hoạt động vì cộng đồng và môi trường mà doanh nghiệp góp mặt.

Habeco Trading 89 luôn tích cực thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện xã hội với hiệu quả cao và ngày càng thiết thực. Thực hiện chính sách đối người lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phù hợp với các nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.

### **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2025, dự báo ngành bia sẽ tiếp tục đối mặt thách thức lớn khi Nghị định 168 chính thức có hiệu lực từ đầu năm với việc tăng hạng mức xử phạt kèm theo các hình thức xử lý nghiêm khắc hơn với những người vi phạm nồng độ cồn khi tham gia giao thông.

Bên cạnh đó, việc xem xét tăng thuế tiêu thụ đặc biệt với sản phẩm bia, rượu khả năng cũng sẽ ảnh hưởng đến thị trường bia, rượu. Dự thảo luật này đã được trình Quốc hội trong kỳ họp tháng 10/2024 và dự kiến sẽ được thông qua tại kỳ họp tháng 5/2025, bắt đầu áp dụng từ đầu năm 2026.



Việc tăng thuế tiêu thụ đặc biệt có thể tác động đến lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành bia nhưng chỉ trong ngắn hạn, sau đó ngành sẽ nhanh chóng trở lại tăng trưởng bởi một số lý do: (i) Thứ nhất là do yếu tố văn hóa nên rượu, bia không chỉ đơn thuần là đồ uống mà còn là thói quen của nhiều người, không thể thiếu trong các buổi tiệc hay gặp mặt; (ii) Thứ hai là xu hướng tiêu dùng, hành vi tiêu dùng không chỉ chịu tác động bởi giá sản phẩm mà còn có những yếu tố khác như nhân khẩu học, vùng miền, văn hóa; và (iii) Thứ ba các công ty có thể chủ phát triển các sản phẩm mới như bia không cồn, bia có nồng độ cồn thấp phù hợp xu hướng tiêu dùng của khách hàng.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng lao động trong Công ty

Số lượng người lao động của công ty tại thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2024 cụ thể như sau:

**Bảng 12. Bảng cơ cấu lao động của Công ty**

Đvt: Người

| STT | Trình độ                | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|-----|-------------------------|------------|------------|
| 1   | Trình độ trên Đại học   | 6          | 6          |
| 2   | Trình độ Đại học        | 49         | 53         |
| 3   | Trình độ Cao đẳng       | 12         | 14         |
| 4   | Trình độ Trung cấp/Nghề | 28         | 24         |
| 5   | Lao động phổ thông      | 39         | 28         |
|     | <b>Tổng số</b>          | <b>134</b> | <b>125</b> |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

### 9.2. Chính sách đối với người lao động

**Bảng 13. Bảng thu nhập bình quân của Công ty**

| Chỉ tiêu                              | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|---------------------------------------|------------|------------|
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/tháng) | 12.1       | 12.8       |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

Mặc dù có những khó khăn chung về tình hình kinh tế tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, song công ty vẫn đảm bảo tiền lương cho người lao động trên cơ sở sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực và tăng năng suất lao động, hạn chế việc thuê lao động thời vụ.

Công ty đã tiến hành tổ chức Hội nghị người lao động, và tổ chức ngày hội gia đình để tăng tính đoàn kết, gắn bó giữa tập thể và gia đình cán bộ công nhân viên trong công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định nhà nước cũng như quy chế của Công ty.

#### 10. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trong các năm qua Công ty luôn thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho các cổ đông, cụ thể tình hình chi trả cổ tức của Công ty trong vòng 03 năm gần nhất như sau:

**Bảng 14. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong vòng 03 năm gần nhất**

| Chỉ tiêu          | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-------------------|----------|----------|----------|
| Hình thức chi trả | Tiền mặt | Tiền mặt | Tiền mặt |
| Tỷ lệ             | 9,0%     | 10,0%    | 5,0%     |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

#### 11. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất

##### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

##### ❖ Báo cáo về vốn điều lệ, tổng nguồn vốn và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ Công ty.

Vốn điều lệ và tổng nguồn vốn qua các năm của Công ty như sau:

**Bảng 15. Vốn điều lệ và tổng nguồn vốn của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                          | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|-----|-----------------------------------|------------|------------|
| I   | Vốn điều lệ                       | 60.000     | 60.000     |
| II  | Tổng nguồn vốn                    | 195.649    | 204.872    |
| 1   | Nợ phải trả                       | 108.620    | 118.774    |
| -   | Nợ ngắn hạn                       | 108.620    | 65.016     |
| -   | Nợ dài hạn                        | -          | 53.758     |
| 2   | Vốn chủ sở hữu                    | 87.029     | 86.098     |
| -   | Vốn góp của chủ sở hữu            | 60.000     | 60.000     |
| -   | Quỹ đầu tư phát triển             | 20.800     | 20.800     |
| -   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 6.229      | 5.298      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)



❖ **Tình hình tài sản của Công ty**

Tình hình tài sản của Công ty qua các năm như sau:

**Bảng 16. Tình hình tài sản của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT                      | Chỉ tiêu                           | 31/12/2023     | 31/12/2024     |
|--------------------------|------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>                 | <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>64.583</b>  | <b>65.889</b>  |
| 1                        | Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.035         | 13.116         |
| 2                        | Đầu tư tài chính ngắn hạn          | -              | -              |
| 3                        | Các khoản phải thu ngắn hạn        | 16.300         | 24.973         |
| 4                        | Hàng tồn kho                       | 22.851         | 25.693         |
| 5                        | Tài sản ngắn hạn khác              | 1.397          | 2.107          |
| <b>II</b>                | <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>131.066</b> | <b>138.983</b> |
| 1                        | Các khoản phải thu dài hạn         | -              | -              |
| 2                        | Tài sản cố định                    | 71.626         | 110.421        |
| 3                        | Bất động sản đầu tư                | -              | -              |
| 4                        | Tài sản dở dang dài hạn (*)        | 36.364         | 1.194          |
| 5                        | Đầu tư tài chính dài hạn           | -              | -              |
| 6                        | Tài sản dài hạn khác               | 23.076         | 27.368         |
| <b>Tổng cộng tài sản</b> |                                    | <b>195.649</b> | <b>204.872</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

(\*) Tài sản dở dang dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2024 là 1.194 triệu đồng giảm 36 lần so với đầu năm, đây là khoản chi phí hình thành tài sản cố định cụ thể là dây chuyền chiết keg KHS, tại cuối năm tài sản đã hình thành nên được ghi nhận tăng vào mục tài sản cố định của Công ty.

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định”. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

**Bảng 17. Thời gian khấu hao các tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024**

| Loại tài sản          | Thời gian khấu hao |
|-----------------------|--------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 – 25 năm        |

| Loại tài sản             | Thời gian khấu hao |
|--------------------------|--------------------|
| Máy móc thiết bị         | 05 – 15 năm        |
| Phương tiện vận tải      | 06 – 10 năm        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 06 – 10 năm        |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế Giá trị gia tăng; thuế Tiêu thụ đặc biệt; thuế Xuất, Nhập khẩu; thuế Thu nhập doanh nghiệp; thuế Thu nhập cá nhân; thuế Tài nguyên và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành và không có khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn phải trả tính đến thời điểm 31/12/2024. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

**Bảng 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT              | Chỉ tiêu                   | 31/12/2023    | 31/12/2024    |
|------------------|----------------------------|---------------|---------------|
| 1                | Thuế Giá trị gia tăng      | 13.670        | 994           |
| 2                | Thuế Tiêu thụ đặc biệt     | 15.912        | 7.818         |
| 3                | Thuế Xuất, Nhập khẩu       | -             | -             |
| 4                | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 1.146         | 1.340         |
| 5                | Thuế Thu nhập cá nhân      | 56            | 72            |
| 6                | Thuế Tài nguyên            | 5             | 6             |
| 7                | Tiền thuê đất              | -             | -             |
| 8                | Các loại thuế khác         | -             | -             |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>30.789</b> | <b>10.230</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.



**Bảng 19. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm**

Đvt: Triệu đồng

| STT              | Chỉ tiêu                  | 31/12/2023    | 31/12/2024    |
|------------------|---------------------------|---------------|---------------|
| 1                | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.225         | 1.039         |
| 2                | Quỹ đầu tư phát triển     | 20.800        | 20.800        |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>22.025</b> | <b>21.839</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

❖ **Tình hình công nợ hiện nay****Bảng 20. Các khoản phải thu của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT              | Chỉ tiêu                           | 31/12/2023    | 31/12/2024    |
|------------------|------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>I</b>         | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>16.300</b> | <b>24.973</b> |
| 1                | Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 7.278         | 12.182        |
| 2                | Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 8.913         | 12.865        |
| 3                | Phải thu ngắn hạn khác             | 189           | 6             |
| 4                | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (80)          | (80)          |
| <b>II</b>        | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>  | -             | -             |
| <b>Tổng cộng</b> |                                    | <b>16.300</b> | <b>24.973</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

**Bảng 21. Các khoản phải trả của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT              | Chỉ tiêu                            | 31/12/2023     | 31/12/2024     |
|------------------|-------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>         | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>108.620</b> | <b>65.016</b>  |
| 1                | Phải trả người bán ngắn hạn         | 13.314         | 14.902         |
| 2                | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 1.252          | 1.333          |
| 3                | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 30.788         | 10.230         |
| 4                | Phải trả người lao động             | 5.834          | 6.469          |
| 5                | Chi phí phải trả ngắn hạn           | -              | 25             |
| 6                | Phải trả ngắn hạn khác              | 56.207         | 7.717          |
| 7                | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | -              | 23.301         |
| 8                | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 1.225          | 1.039          |
| <b>II</b>        | <b>Nợ dài hạn</b>                   | -              | <b>53.758</b>  |
| 1                | Phải trả dài hạn khác               | -              | 53.758         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                     | <b>108.620</b> | <b>118.774</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

❖ **Hàng tồn kho****Bảng 22. Số dư hàng tồn kho của Công ty**

Đvt: Triệu đồng

| STT              | Chỉ tiêu                            | 31/12/2023    | 31/12/2024    |
|------------------|-------------------------------------|---------------|---------------|
| 1                | Nguyên liệu, vật liệu               | 13.906        | 12.362        |
| 2                | Công cụ, dụng cụ                    | 4.152         | 9.236         |
| 3                | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 4.532         | 3.893         |
| 4                | Thành phẩm                          | 225           | 114           |
| 5                | Hàng hóa                            | 36            | 88            |
| <b>Tổng cộng</b> |                                     | <b>22.851</b> | <b>25.693</b> |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Bảng 23. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**

| Chỉ tiêu                                                                       | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|----------|
| <b>Chỉ số thanh toán</b>                                                       |        |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)                    | Lần    | 0,59     | 1,01     |
| Hệ số thanh toán nhanh<br>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn        | Lần    | 0,38     | 0,62     |
| <b>Chỉ số về cơ cấu vốn</b>                                                    |        |          |          |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                                                          | Lần    | 0,56     | 0,58     |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                                        | Lần    | 1,25     | 1,38     |
| <b>Chỉ số về năng lực hoạt động</b>                                            |        |          |          |
| Vòng quay tổng tài sản<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)             | Vòng   | 1,40     | 1,30     |
| Vòng quay vốn lưu động<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)    | Vòng   | 3,86     | 4,00     |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)            | Vòng   | 8,78     | 7,68     |
| <b>Chỉ số về khả năng sinh lời</b>                                             |        |          |          |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)<br>(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần) | %      | 1,66%    | 1,79%    |



| Chỉ tiêu                                                | Đơn vị | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---------------------------------------------------------|--------|----------|----------|
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)   | %      | 2,33%    | 2,33%    |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | %      | 4,56%    | 5,39%    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 của Công ty)

## 12. Tài sản

Giá trị tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã kiểm toán của Công ty như sau:

**Bảng 24. Một số tài sản cố định lớn của Công ty tại ngày 31/12/2024**

Đvt: Triệu đồng

| STT | Tên tài sản                                       | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/<br>Nguyên giá |
|-----|---------------------------------------------------|------------|-----------------|----------------------------------|
| 1.  | Hệ thống thu hồi khí CO2                          | 12.605     | 5.378           | 42,67%                           |
| 2.  | Máy lọc màng BMF                                  | 10.782     | 7.341           | 68,09%                           |
| 3.  | Máy chiết tự động 1L 2L (Zhongchen - CIMCO)       | 10.132     | 3.124           | 30,83%                           |
| 4.  | Hệ thống xay nghiền (Anfico 2017)                 | 4.492      | 1.577           | 35,10%                           |
| 5.  | Nhà chứa tank lên men mở rộng 2017                | 3.908      | 2.441           | 62,47%                           |
| 6.  | Thiết bị lọc bia                                  | 3.727      | 357             | 9,58%                            |
| 7.  | Hệ thống xử lý nước thải mở rộng (CS 450 m3)      | 2.971      | 1.149           | 38,65%                           |
| 8.  | Hệ thống nhân và bảo quản men (Anfico 2017)       | 2.670      | 938             | 35,11%                           |
| 9.  | Hệ thống pha bia                                  | 2.597      | 249             | 9,58%                            |
| 10. | Nhà máy sản xuất bia                              | 2.549      | 918             | 36,00%                           |
| 11. | Dây chuyền chiết keg 30-50L (công suất 100 keg/h) | 2.537      | 174             | 6,85%                            |
| 12. | Xe ô tô 7 chỗ Toyota Highlander (BKS 30E-37277)   | 2.431      | 258             | 10,62%                           |
| 13. | Nhà kho số 02                                     | 2.322      | 619             | 26,67%                           |
| 14. | Nhà kho số 03 - Xưởng chiết                       | 2.322      | 1.161           | 50,00%                           |
| 15. | Xe ô tô tải đông lạnh HINO (BKS: 89H-030.64)      | 2.296      | 1.722           | 75,00%                           |
| 16. | Hệ thống bài khí nước                             | 2.284      | 219             | 9,58%                            |
| 17. | Máy rửa keg 1L-2L                                 | 2.200      | 1.467           | 66,67%                           |
| 18. | Nhà chứa tank lên men                             | 2.094      | 890             | 42,50%                           |

| STT              | Tên tài sản   | Nguyên giá    | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/<br>Nguyên giá |
|------------------|---------------|---------------|-----------------|----------------------------------|
| 19.              | Nhà kho số 05 | 2.001         | 534             | 26,67%                           |
| <b>Tổng cộng</b> |               | <b>76.920</b> | <b>30.515</b>   | <b>39,67%</b>                    |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

**Bảng 25. Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024**

Đvt: Triệu đồng

| Tên tài sản            | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại/<br>Nguyên giá |
|------------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 41.056         | 20.086          | 48,92%                           |
| Máy móc, thiết bị      | 251.320        | 78.627          | 31,29%                           |
| Phương tiện vận tải    | 22.774         | 11.560          | 50,76%                           |
| Dụng cụ quản lý        | 671            | 148             | 22,06%                           |
| <b>Tổng cộng</b>       | <b>315.821</b> | <b>110.421</b>  | <b>34,96%</b>                    |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

**13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới, chiến lược phát triển của Công ty, Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2025 như sau:

**Bảng 26. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm 2025**

| Chỉ tiêu                                    | Đơn vị     | Năm 2024 | Năm 2025 |                             |
|---------------------------------------------|------------|----------|----------|-----------------------------|
|                                             |            |          | Kế hoạch | % tăng giảm so<br>với trước |
| Doanh thu thuần (*)                         | Triệu đồng | 260.830  | 262.164  | 0,51%                       |
| Lợi nhuận sau thuế                          | Triệu đồng | 4.669    | 5.264    | 12,74%                      |
| Vốn chủ sở hữu                              | Triệu đồng | 60.000   | 60.000   | -                           |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau<br>thuế/Doanh thu thuần | %          | 1,79%    | 1,86%    | 3,91%                       |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau<br>thuế/Vốn chủ sở hữu  | %          | 7,78%    | 8,77%    | 12,74%                      |
| Tỷ lệ cổ tức                                | %          | 5%       | 7%       | 40%                         |

(Nguồn: Habeco Trading 89)

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 của Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua kế hoạch Doanh thu bán hàng năm 2025 là 279.914 triệu đồng, căn cứ số liệu quá khứ đối với khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu, Công ty ước tính trị Doanh thu thuần trong năm 2025 của Công ty đạt được 262.164 triệu đồng.



Kết thúc quý I/2025, doanh thu thuần của Công ty đạt 32.364 triệu đồng, đạt 12,34% kế hoạch đặt ra. Kết thúc 3 tháng đầu năm 2025, Công ty hoạt động chưa có lãi, điều này phù hợp với đặc điểm kinh doanh có tính mùa vụ của Công ty, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh bán hàng vào 5 tháng hè cao điểm để bù đắp cho các khoảng thời gian còn lại trong năm. Với kết quả kinh doanh trong quá khứ đã đạt được qua các năm, Công ty tin tưởng rằng sẽ hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong năm 2025.

### **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

#### **❖ Công tác thị trường:**

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch bán hàng với mức tăng trưởng tốt so với 2024;
- Giữ vững hệ thống phân phối trên các vùng địa bàn hiện có.
- Bám sát tình hình thực tế để đáp ứng linh hoạt trong việc bố trí sản xuất cũng như việc bán hàng đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Phát triển hệ thống phân phối gia tăng hiện diện hình ảnh cũng như các sản phẩm của công ty ở các khu vực như: Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh .... và các Tỉnh Phía Nam.
- Tiếp tục khai thác thêm thị trường mới cho các sản phẩm riêng của công ty như: keg 2 lít, 1 lít Inox chai pet.
- Lên phương án triển khai các sản phẩm mới của công ty như: Bia tươi Tháp Rót, bia lon giá rẻ...
- Tăng cường, bổ sung các vật dụng quảng cáo phù hợp với các sản phẩm bia hơi, bia tươi.
- Tăng cường triển khai hỗ trợ các điểm bán lớn, điểm bán hình ảnh như: Làm biển khung hộp đèn, Poster LED, ... để quảng bá các sản phẩm của Công ty và gia tăng sản lượng.
- Gắn chỉ số KPI cho nhân viên kinh doanh thị trường để đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ.
- Để tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường trong khi công suất nhà máy không đảm bảo vào thời gian cao điểm ban lãnh đạo công ty đề xuất mua thêm bia thương mại để giữ khách hàng.
- Đề xuất phương án vận tải cho khách hàng ở những vùng thị trường tiềm năng.
- Xây dựng chiến dịch trên các kênh Marketing online như Tiktok, Fanpage, facebook...

#### **❖ Công tác sản xuất:**

Trọng tâm hoạt động sản xuất năm 2025 là thực hiện tốt công tác quản lý sản xuất, kỹ thuật chất lượng đảm bảo ổn định chất lượng từ nguyên liệu đầu vào đến bia thành phẩm với phạm vi quản lý chất lượng mở rộng từ trong sản xuất đến quá trình vận chuyển, lưu kho và chiết rót bia tại điểm bán:

- Tiếp tục triển khai bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo máy móc thiết bị toàn nhà máy sẵn sàng cho sản xuất mùa cao điểm.
- Chuẩn bị nguyên vật liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.

- Cải tiến liên tục, rà soát tối ưu các quy trình và hướng dẫn vận hành, quản lý thiết bị nhằm vận hành máy móc thiết bị đảm bảo an toàn, khai thác máy móc hiệu quả, giảm chi phí sửa chữa, tiết kiệm năng lượng và góp phần ổn định chất lượng, hạn chế tối đa tỷ lệ sai lỗi của sản phẩm:
    - + Tiếp tục khảo sát và lên phương án triển khai giải pháp tiết kiệm năng lượng: Làm lạnh dịch nha 2 cấp.
    - + Khảo sát thử nghiệm sử dụng nguyên liệu thay thế là đại mạch nhằm giảm chi phí sản xuất.
    - + Duy trì thực hiện hiệu quả chương trình nâng cao năng suất, cải thiện môi trường làm việc an toàn 5S. Liên tục cập nhật và tối ưu các quy trình, hướng dẫn, biểu mẫu ... của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/22000 nhằm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng và tạo ra sản phẩm chất lượng ổn định đến người tiêu dùng.
    - + Tuân thủ tốt công tác bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn tuyệt đối vệ sinh an toàn lao động trong sản xuất.
  - Công tác đào tạo:
    - + Tiếp tục phối hợp với khối hành chính nhân sự, đề xuất triển khai đào tạo nâng cao năng lực quản lý cũng như nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ nhân viên toàn khối sản xuất.
    - + Tổ chức các buổi tham quan giao lưu học hỏi tại các công ty trong hệ thống tổng công ty HABECO...
  - Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:
    - + Xây dựng tổng quan dự án sản xuất nước quả, nước ngọt từ quy mô phòng lab đến sản xuất công nghiệp.
    - + Hoàn thành quy trình sản xuất bia tươi thanh trùng nhanh.
  - Dự án đầu tư:
    - + Triển khai lắp đặt và kết nối hệ thống thiết bị rửa két và hầm rửa keg 1L và 2L. Thời gian hoàn thành dự án và đưa vào vận hành sản xuất tháng 4 năm 2025.
- ❖ **Công tác tài chính:**
- Quản lý và đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.
  - Các chế độ về sổ sách, báo cáo tài chính với cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ.
  - Thực hiện nộp ngân sách đầy đủ.
- ❖ **Công tác lao động – tiền lương:**
- Đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất, cân đối lượng lao động năm 2025.
  - Xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng phù hợp với sự phát triển của công ty.
  - Hoàn thiện hệ thống thang bảng lương khuyến khích người lao động và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác đào tạo phù hợp với sự phát



triển của công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng**

Không có

**15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

**15.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh**

- Nâng cao chất lượng quản trị, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản trị nội bộ;
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn sâu, có kinh nghiệm;
- Đẩy mạnh chiến lược phát triển thị trường, bảo vệ thương hiệu, phát triển hệ thống phân phối sản phẩm bia hơi của Công ty;
- Ban hành phương án kinh doanh, tăng năng lực sản xuất, mở rộng thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ.

**15.2. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

- Củng cố và giữ vững, phát triển thị trường bia hơi 30,50 lít;
- Đẩy mạnh và phát triển thị trường bia 2 lít, 1 lít, chai pet;
- Nghiên cứu sản phẩm mới phù hợp xu thế như bia không độ, nước giải khát...
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- Nâng cao chất lượng quản trị, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng;
- Đảm bảo đời sống, thu nhập và việc làm cho người lao động.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

Không có.

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên           | Chức danh                     |
|-----|---------------------|-------------------------------|
| 1   | Nguyễn Đăng Toàn    | Chủ tịch HĐQT                 |
| 2   | Nguyễn Văn Việt     | Thành viên HĐQT               |
| 3   | Phạm Trung Kiên     | Thành viên HĐQT               |
| 4   | Nguyễn Quang Nghiệp | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 5   | Dương Như Quang     | Thành viên HĐQT               |
| 6   | Phan Ngọc Anh       | Thành viên HĐQT               |
| 7   | Nguyễn Hải Quân     | Thành viên HĐQT               |

#### 1.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

##### ❖ Ông Nguyễn Đăng Toàn - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Đăng Toàn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/11/1978
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P222- C4, Giảng Võ, Ba Đình, Tp. Hà Nội
- CMND/CCCD: 0113110354, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội, ngày cấp: 31/08/2011
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                    | Chức vụ                    |
|-------------------|----------------------------------------------------|----------------------------|
| 04/2001 - 04/2003 | Kiểm toán Nhà nước Khu vực phía Bắc                | Kiểm toán viên             |
| 04/2003 - 10/2008 | Kiểm toán Nhà nước Khu vực I                       | Kiểm toán viên             |
| 04/2003 - 10/2008 | Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành 6                  | Kiểm toán viên             |
| 10/2008 - 03/2010 | Phòng Dự án CTCP Đầu tư và phát triển HABECO       | Chuyên viên                |
| 10/2010 - 03/2019 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội- Hưng Yên 89 | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc |



| Thời gian         | Đơn vị công tác                                     | Chức vụ       |
|-------------------|-----------------------------------------------------|---------------|
| 03/2019 - 03/2021 | Công Ty TNHH MTV Thương Mại HABECO                  | Giám đốc      |
|                   | Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội- Hưng Yên 89  | Ủy viên HĐQT  |
| 03/2021 đến nay   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Chủ tịch HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 185.500 cổ phần (tương đương 3,09% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện vốn cho Tổng CTCP Bia- Rượu – Nước giải khát Hà Nội: 180.000 cổ phần (tương đương 3,00% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
    - + Nguyễn Đăng Tuấn (anh trai): sở hữu 50.000 cổ phần (tương đương 0,83% vốn điều lệ Công ty)
    - + Nguyễn Thị Minh Thu (chị dâu): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
    - + Trương Thị Hoà (mẹ vợ): sở hữu 620.000 cổ phần (tương đương 10,33% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Thù lao giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.

❖ **Ông Nguyễn Văn Việt - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Việt
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/10/1948
- Nơi sinh: Phú Lâm – Tiên Du – Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 15- ngách 71/7, Linh Lang, Công Vĩ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- CMND/CCCD: 027048000168, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, ngày cấp: 15/03/2019
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, tiến sĩ

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
- Quá trình công tác:

| Thời gian       | Đơn vị công tác                              | Chức vụ                  |
|-----------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1972 - 1978     | Viện Công nghiệp Thực phẩm                   | Cán bộ khoa học kỹ thuật |
| 1978 - 1996     | Viện Công nghiệp Thực phẩm                   | Phó Viện trưởng          |
| 1996 - 2002     | Viện Nghiên cứu Rượu- bia                    | Viện trưởng              |
| 2002 - 2010     | Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội | Tổng Giám đốc            |
| 2010 - 02/2019  | Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội  | Chủ tịch                 |
| 03/2019 đến nay | Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội  | Chủ tịch                 |
|                 | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89     | Thành viên HĐQT          |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện vốn cho bà Trương Thị Hòa: 620.000 cổ phần (tương đương 10,33% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
    - + Trương Thị Hoà (vợ): sở hữu 620.000 cổ phần (tương đương 10,33% vốn điều lệ Công ty)
    - + Nguyễn Đăng Toàn (con rể): sở hữu 185.500 cổ phần (tương đương 3,09% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên HĐQT

❖ **Ông Phạm Trung Kiên - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Phạm Trung Kiên
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/04/1970
- Nơi sinh: Xã Bạch Sam, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 64 Ngõ 5, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- CMND/CCCD: 013350289, nơi cấp: Công an TP Hà Nội, ngày cấp: 28/05/2011



- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                                              | Chức vụ           |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 11/1993 - 11/2000 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội | Kỹ sư             |
| 11/2000 - 06/2004 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội | Phó trưởng phòng  |
| 07/2004 - 02/2016 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội | Trưởng phòng      |
| 02/2016 - 7/2019  | Phòng Kỹ thuật, Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội                 | Trưởng phòng      |
|                   | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89                                     | Chủ tịch HĐQT     |
| 08/2019 - 02/2021 | Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội                                 | Phó Tổng giám đốc |
|                   | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89                                     | Chủ tịch HĐQT     |
| 03/2021 đến nay   | Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội                                 | Phó Tổng giám đốc |
|                   | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89                                     | Thành viên HĐQT   |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,33% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện vốn cho Tổng CTCP Bia- Rượu – Nước giải khát Hà Nội: 120.000 (tương đương 2,00% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
    - + Phạm Mai Khanh (con gái): sở hữu 60.000 cổ phần (tương đương 1,00% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên HĐQT
- ❖ Ông Nguyễn Quang Nghiệp - Thành viên HĐQT
  - Họ và tên: Nguyễn Quang Nghiệp
  - Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 21/10/1983
- Nơi sinh: Gia Lộc, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Gia Khánh, Gia Lộc, Hải Dương
- CMND/CCCD: 030083001266, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG, ngày cấp: 11/12/2015
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                    | Chức vụ                       |
|-------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|
| 7/2006 – 10/2007  | Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương             | Nhân viên                     |
| 10/2007 – 2/2014  | Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương             | Trưởng ca                     |
| 03/2014 - 06/2016 | Công Ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội -Hưng Yên 89 | Phó phòng kỹ thuật            |
| 06/2016 - 01/2019 | Công Ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội -Hưng Yên 89 | Trưởng phòng kỹ thuật         |
| 01/2019 - 03/2019 | Công Ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội -Hưng Yên 89 | Phó giám đốc                  |
| 03/2019 đến nay   | CTCP Thương Mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89           | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 36.000 cổ phần (tương đương 0,60% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
    - + Nguyễn Thị Kim Cúc (vợ): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
    - + Nguyễn Văn Minh (anh trai): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên HĐQT



kiêm Giám đốc

❖ **Ông Dương Như Quang - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Dương Như Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/7/1966
- Nơi sinh: Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phố Phúc Tân, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
- CMND/CCCD: 037066001460, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG, ngày cấp: 25/04/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công TNHH Hải Hà
- Quá trình công tác:

| Thời gian       | Đơn vị công tác                                    | Chức vụ          |
|-----------------|----------------------------------------------------|------------------|
| 1984 - 1987     | Phòng tham mưu lữ đoàn 202 – Quân đoàn 1           | Bộ đội           |
| 1987- 1989      | Trạm kiểm soát quân sự - Lữ đoàn 202 Quân đoàn 1   | Trạm trưởng      |
| 1989 - 1990     | Văn phòng Bộ tư lệnh - Quân đoàn 1                 | Cán bộ nghiệp vụ |
| 1990 - 1993     | Khách sạn chuyên gia Ninh Bình                     | Cán bộ nghiệp vụ |
| 1993 - 2006     | Chi nhánh bia Sài Gòn tại Ninh Bình                | Trưởng chi nhánh |
| 2006 - 2007     | Công ty TNHH Hải Hà                                | Giám đốc         |
| Từ 2007 đến nay | Công ty TNHH Hải Hà                                | Giám đốc         |
|                 | Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội -Hưng Yên 89 | Thành viên HĐQT  |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện vốn cho Công ty TNHH Hải Hà: 670.000 cổ phần (tương đương 11,17% vốn điều lệ Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ Công ty)

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên HĐQT

❖ **Ông Phan Ngọc Anh - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Phan Ngọc Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/05/1974
- Nơi sinh: Hưng Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 19, lô 13, dãy B, Khu Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- CMND/CCCD: 040074000163, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, ngày cấp: 25/4/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - ✓ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco
  - ✓ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản phẩm Thủy tinh Việt Nam
  - ✓ Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung
  - ✓ Thành viên Hội đồng Trường Đại học Công nghiệp Vinh
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                           | Chức vụ                            |
|-------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 2007 - 2015       | Công ty Cổ phần Phương Đông Media                         | Chủ tịch HĐQT                      |
| 01/01/2015 - 2017 | Sản phẩm thủy tinh- thuộc Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội | Bí thư chi bộ                      |
|                   | Công ty Cổ phần Phương Đông Media                         | Chủ tịch HĐQT                      |
|                   | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco                  | Tổng Giám đốc                      |
|                   | Công ty Cổ phần Sản phẩm Thủy tinh Việt Nam               | Ủy viên HĐQT;<br>Phó Tổng giám đốc |
|                   | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung;          | Ủy viên HĐQT                       |
|                   | Trường Đại học Công nghiệp Vinh                           | Thành viên Hội đồng                |



| Thời gian       | Đơn vị công tác                                          | Chức vụ                            |
|-----------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|
|                 | Công ty CP Thương mại bia Hà Nội Hưng Yên 89             | Ủy viên HĐQT                       |
| 2018 - 05/2020  | Sành sứ thủy tinh- thuộc Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội | Bí thư chi bộ                      |
|                 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco                 | Tổng Giám đốc                      |
|                 | Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam               | Ủy viên HĐQT;<br>Phó Tổng giám đốc |
|                 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung          | Ủy viên HĐQT                       |
|                 | Trường Đại học Công nghiệp Vinh                          | Thành viên Hội đồng                |
|                 | Công ty CP Thương mại bia Hà Nội Hưng Yên 89             | Ủy viên HĐQT                       |
| 06/2020 đến nay | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco                 | Tổng Giám đốc                      |
|                 | Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam               | Ủy viên HĐQT;<br>Phó Tổng giám đốc |
|                 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung          | Ủy viên HĐQT                       |
|                 | Trường Đại học Công nghiệp Vinh                          | Thành viên Hội đồng                |
|                 | Công ty cổ phần Thương mại bia Hà Nội Hưng Yên 89        | Thành viên HĐQT                    |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện vốn cho CTCP Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam: 1.200.000 cổ phần (tương đương 20,00% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên HĐQT

❖ **Ông Nguyễn Hải Quân - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Hải Quân
- Giới tính: Nam



- Ngày sinh: 08/05/1974
- Nơi sinh: Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 69/173/68/147 tổ 56 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình Hà Nội
- CMND/CCCD: 001170000888, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG, ngày cấp: 21/04/2014
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian          | Đơn vị công tác                                          | Chức vụ                             |
|--------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 4/1989 - 12/1993   | Nhà máy Bia Hà Nội                                       | Công nhân sản xuất                  |
| 1/1994 - 6/2001    | Công ty Bia Hà Nội                                       | Công nhân                           |
| 7/2001 - 11/2002   | Công ty Bia Hà Nội                                       | Nhân viên kho, công nhân điều khiển |
| 12/2002 - 6/2003   | Công ty Bia Hà Nội                                       | Nhân viên giao nhận                 |
| 7/2003 - 4/2004    | Tổng công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Hà Nội          | Nhân viên giao nhận                 |
| 5/2004 - 3/2007    | Tổng công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Hà Nội          | Phụ thủ kho bia hơi                 |
| 4/2007 - 12/2007   | Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội                         | Phụ thủ kho bia hơi                 |
| 01/2008 - 12/2008  | Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội | Chuyên viên                         |
| 01/2009 - 12/2014  | Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội | Phó Phòng                           |
| 01/2015 - 12/2016  | Phòng Thị trường Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội        | Trưởng phòng                        |
| 01/01/2017 đến nay | Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội                         | Phó Giám đốc                        |
| Từ 8/2018 đến nay  | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89                 | Thành viên HĐQT                     |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)



- ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- ✓ Sở hữu đại diện vốn cho CTCP Thương mại Bia Hà Nội: 750.000 cổ phần (tương đương 12,50% vốn điều lệ của Công ty)
- ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Danh sách Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên        | Chức danh                |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Tuấn Anh  | Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2   | Nguyễn Bá Ngọc   | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3   | Nguyễn Việt Dũng | Thành viên Ban kiểm soát |

### 2.2. Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

#### ❖ Ông Nguyễn Tuấn Anh - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/06/1991
- Nơi sinh: Số 9, ngõ 2, Nguyễn Công Trứ, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 9, ngõ 2, Nguyễn Công Trứ, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- CMND/CCCD: 001091005147, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG, ngày cấp: 03/03/2015
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                          | Chức vụ               |
|-------------------|------------------------------------------|-----------------------|
| 03/2014 - 05/2021 | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Nhân viên phòng TT-BH |

| Thời gian        | Đơn vị công tác                          | Chức vụ              |
|------------------|------------------------------------------|----------------------|
| 06/20221 đến nay | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Trưởng Ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Trưởng BKS

❖ **Ông Nguyễn Bá Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Bá Ngọc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/09/1989
- Nơi sinh: Xã Trảng Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: S103.2012A Khu đô thị Vinhomes smart city, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- CMND/CCCD: 186849779, nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An, ngày cấp: 15/07/2020
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá MHD
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                  | Chức vụ        |
|-------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 08/2007 - 11/2011 | Đại học Kinh tế quốc dân, chuyên ngành Kiểm toán | Sinh viên      |
| 11/2011 - 05/2021 | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá MHD           | Kiểm toán viên |
| 06/2021 đến nay   | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá MHD           | Kiểm toán viên |



| Thời gian | Đơn vị công tác                          | Chức vụ                  |
|-----------|------------------------------------------|--------------------------|
|           | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Thành viên Ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Thành viên BKS

❖ **Ông Nguyễn Việt Dũng - Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Việt Dũng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/11/1994
- Nơi sinh: Xã Bùi Xá, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thôn Triều Đông, xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
- CMND/CCCD: 042094010856, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, ngày cấp: 10/05/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên tài chính Tổng CTCP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                          | Chức vụ                  |
|-------------------|------------------------------------------|--------------------------|
| 11/2011 - 05/2021 | Tổng CTCP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội | Chuyên viên tài chính    |
| 06/2021 đến nay   | Tổng CTCP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội | Chuyên viên tài chính    |
|                   | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Thành viên Ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Thành viên BKS

### 3. Ban Giám đốc

#### 3.1. Danh sách Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên           | Chức danh                        |
|-----|---------------------|----------------------------------|
| 1   | Nguyễn Quang Nghiệp | Giám đốc                         |
| 2   | Đào Thị Thu Hằng    | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| 3   | Phạm Ngọc Hà        | Phó Giám đốc                     |

#### 3.2. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc

##### ❖ Ông Nguyễn Quang Nghiệp – Giám đốc

Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT.

##### ❖ Phó Giám đốc

- Họ và tên: Đào Thị Thu Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/08/1979
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 230A Ngõ 230 Đường Hoàng Mai - Tổ 38 – Phường Hoàng Văn Thụ - Quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội
- CMND/CCCD: 030179008967, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, ngày cấp: 14/4/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh và kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

270053  
CỔ PHẦN  
G MẠI  
À NỘI  
YÊN 89  
HUNG



## - Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                     | Chức vụ                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------|
| 08/2002 - 11/2005 | Công ty Cổ phần Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam          | Kế toán                          |
| 11/2005 - 02/2009 | Công ty Cổ phần Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam          | Kế toán trưởng                   |
| 03/2009 - 03/2010 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Kế toán                          |
| 04/2010 - 2018    | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Kế toán trưởng                   |
| 2018 đến nay      | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần (tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
    - + Đào Tuấn Dũng (anh trai): sở hữu 6.000 cổ phần (tương đương 0,10% vốn điều lệ Công ty)
    - + Đào Thị Thu Hà (em gái): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng

❖ **Phó Giám đốc**

- Họ và tên: Phạm Ngọc Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/03/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 01 nhà A8, khu tập thể 8/3, phường Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- CMND/CCCD: 001076015224, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG, ngày cấp: 27/03/2017
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hoá học
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật - KSC
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                         | Chức vụ                                   |
|-------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 06/2000 - 08/2005 | Viện nghiên cứu rượu bia nước giải khát                 | Nghiên cứu viên                           |
| 09/2005 - 11/2009 | Trường đại học Rennes1 (Thành phố Rennes Cộng hoà Pháp) | Sinh viên sau đại học                     |
| 10/2010 - 09/2019 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89     | Trưởng phòng Kỹ thuật - KCS               |
| 10/2019 đến nay   | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89     | Phó Giám đốc; Trưởng phòng. Kỹ thuật -KCS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,33% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
  - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Phó giám đốc

#### ❖ Bà Đào Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng

Đã trình bày tại mục Ban Giám đốc.

#### 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị công ty bằng cách đưa ra kế hoạch kinh doanh cụ thể trong tương lai. Kế hoạch trước mắt là tập trung đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

Công ty sẽ tiếp tục tuyển dụng nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để



cán bộ, công nhân viên phát huy sáng tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức để tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

#### 5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Họ và tên                                   | Chức vụ tại Công ty (nếu có)/Mối quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu tại ngày 20/3/2025 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 20/3/2025 |
|-----|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 1   | <b>Nguyễn Đặng Toàn</b>                     | <b>Chủ tịch HĐQT</b>                                      | <b>185.500</b>                 | <b>3,09%</b>                    |
|     | Nguyễn Văn Tuyên                            | Bố                                                        | -                              | -                               |
|     | Đặng Thị Nguyệt                             | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Văn Việt                             | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|     | Trương Thị Hoà                              | Mẹ vợ                                                     | 620.000                        | 10,33%                          |
|     | Nguyễn Thu Nga                              | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Thu Hà                               | Chị vợ                                                    | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Đặng Tuấn                            | Anh trai                                                  | 50.000                         | 0,83%                           |
|     | Nguyễn Thị Minh Thu                         | Chị dâu                                                   | 5.000                          | 0,08%                           |
|     | Nguyễn Thanh Phương                         | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Quý Phúc                             | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Tổng CTCP Bia- Rượu – Nước giải khát Hà Nội | Người đại diện vốn                                        | 180.000                        | 3,00%                           |
|     | <b>Nguyễn Văn Việt</b>                      | <b>Thành viên HĐQT</b>                                    | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Văn Tiến                             | Bố                                                        | -                              | -                               |
| 2   | Ngô Thị Diễm                                | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|     | Trương Quý Miễn                             | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|     | Trương Thị Đảng                             | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|     | Trương Thị Hoà                              | Vợ                                                        | 620.000                        | 10,33%                          |
|     | Nguyễn Văn Thành                            | Em trai                                                   | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Thu Hà                               | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Thu Nga                              | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Đặng Toàn                            | Con rể                                                    | 185.000                        | 3,09%                           |
|     | Trương Thị Hoà                              | Người đại diện vốn                                        | 620.000                        | 10,33%                          |
|     | <b>Phạm Trung Kiên</b>                      | <b>Thành viên HĐQT</b>                                    | <b>20.000</b>                  | <b>0,33%</b>                    |
|     | Nguyễn Thị Mai Hạnh                         | Vợ                                                        | -                              | -                               |
| 3   | Phạm Mai Khanh                              | Con gái                                                   | 60.000                         | 1,00%                           |

| STT      | Họ và tên                              | Chức vụ tại Công ty (nếu có)/Mối quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu tại ngày 20/3/2025 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 20/3/2025 |
|----------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|          | Phạm Duy Tùng                          | Con trai                                                  | -                              | -                               |
|          | Phạm Khắc Cự                           | Bố đẻ                                                     | -                              | -                               |
|          | Bùi Thị Ty                             | Mẹ đẻ                                                     | -                              | -                               |
|          | Phạm Khắc Trung                        | Anh trai                                                  | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Thế                         | Chị dâu                                                   | -                              | -                               |
|          | Phạm Hồng Quang                        | Anh trai                                                  | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Hiền                        | Chị dâu                                                   | -                              | -                               |
|          | Phạm Phú Cường                         | Anh trai                                                  | -                              | -                               |
|          | Phạm Thị Hương                         | Chị dâu                                                   | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Văn Chiện                       | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Chu Thị Hoàng Yến                      | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Đức Tâm                         | Con rể                                                    |                                |                                 |
|          | CTCP Bia Hà Nội – Kim Bài              | Chủ tịch HĐQT                                             |                                |                                 |
|          | CTCP Bia Hà Nội – Thái Bình            | Chủ tịch HĐQT                                             |                                |                                 |
|          | Tổng công ty CP Bia- Rượu – NGK Hà Nội | Người đại diện vốn                                        | 120.000                        | 0,33%                           |
| <b>4</b> | <b>Nguyễn Quang Nghiệp</b>             | <b>Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc</b>                      | <b>36.000</b>                  | <b>0,60%</b>                    |
|          | Nguyễn Văn Quỳ                         | Bố                                                        | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Xuyên                       | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Hữu Cương                       | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Hà Thị Vĩnh                            | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Kim Cúc                     | Vợ                                                        | 5.000                          | 0.08%                           |
|          | Nguyễn Ngọc Hà                         | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thu Thảo                        | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Văn Minh                        | Anh trai                                                  | 5.000                          | 0.08%                           |
|          | Nguyễn Thị Thu Hiền                    | Chị dâu                                                   | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Hữu Dương                       | Em vợ                                                     | -                              | -                               |
| <b>5</b> | <b>Dương Như Quang</b>                 | <b>Thành viên HĐQT</b>                                    | -                              | -                               |
|          | Dương Như Chinh                        | Bố                                                        | -                              | -                               |
|          | Đinh Thị Cát                           | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|          | Đinh Văn Tích                          | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Đinh Thị Liễu                          | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Đinh Hồng Hà                           | Vợ                                                        | -                              | -                               |





| STT      | Họ và tên                            | Chức vụ tại Công ty (nếu có)/Mối quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu tại ngày 20/3/2025 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 20/3/2025 |
|----------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|          | Dương Sơn Hải                        | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Dương Lan Phương                     | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Công ty TNHH Hải Hà                  | Người đại diện vốn                                        | 670.000                        | 11,17%                          |
| <b>6</b> | <b>Phan Ngọc Anh</b>                 | <b>Thành viên HĐQT</b>                                    | -                              | -                               |
|          | Phan Anh Đào                         | Bố                                                        | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Loan                      | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|          | Phan Thị Anh Yên                     | Chị                                                       | -                              | -                               |
|          | Phan Thị Kim Oanh                    | Em gái                                                    | -                              | -                               |
|          | Phan Ngọc Thành                      | Em trai                                                   | -                              | -                               |
|          | Trịnh Thị Thu Hiền                   | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|          | Phan Anh Dũng                        | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Phan Kevin Bảo Sơn                   | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Trịnh Hữu Thắng                      | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Tổng Thị Minh                        | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Trịnh Đức Thành                      | Anh vợ                                                    | -                              | -                               |
|          | Công ty CP Sản Sứ Thủy Tinh Việt Nam | Người đại diện vốn                                        | 1.200.000                      | 20,00%                          |
| <b>7</b> | <b>Nguyễn Hải Quân</b>               | <b>Thành viên HĐQT</b>                                    | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Hữu Đức                       | Bố                                                        | -                              | -                               |
|          | Phạm Thị Kim Loan                    | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Sĩ Năng                       | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Đỗ Thị Thắng                         | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|          | Vợ Nguyễn Thanh Tú                   | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thảo Vi                       | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thảo Ngọc                     | Con                                                       | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Thanh Bình                | Chị gái                                                   | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Thị Hoàng Yến                 | Chị gái                                                   | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Đăng Vịnh                     | Anh rể                                                    | -                              | -                               |
|          | Công ty CPTM Bia Hà Nội              | Người đại diện vốn                                        | 750.000                        | 12,50%                          |
| <b>8</b> | <b>Nguyễn Tuấn Anh</b>               | <b>Trưởng BKS</b>                                         | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Hữu Ứng                       | Bố                                                        | -                              | -                               |
|          | Đào Thị Huệ                          | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|          | Nguyễn Quang Quân                    | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |

| STT       | Họ và tên               | Chức vụ tại Công ty (nếu có)/Mối quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu tại ngày 20/3/2025 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 20/3/2025 |
|-----------|-------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|           | Nguyễn Thị Khương       | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Hải Yến      | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Như Ngọc         | Con                                                       | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Đức Toàn         | Con                                                       | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Linh Hương   | Em gái                                                    | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Quang Huân       | Anh vợ                                                    | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Mạn Tuấn         | Em vợ                                                     | -                              | -                               |
| <b>9</b>  | <b>Nguyễn Bá Ngọc</b>   | <b>Thành viên BKS</b>                                     | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Bá Lân           | Bố                                                        | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Hoa          | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Cảnh Thành       | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|           | Ngô Thị Hường           | Mẹ Vợ                                                     | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Hoa          | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Ngọc Khả Hân     | Con                                                       | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Cát Tường        | Con                                                       | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Lan          | Em gái                                                    | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Bá Sơn           | Em trai                                                   | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Hiền         | Em gái vợ                                                 | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Cảnh Tiến        | Em trai vợ                                                | -                              | -                               |
| <b>10</b> | <b>Nguyễn Việt Dũng</b> | <b>Thành viên BKS</b>                                     | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Văn Trung        | Bố                                                        | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Thị Thu Hương    | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|           | Bùi Ngọc Triu           | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|           | Hoàng Thị Vân           | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|           | Bùi Thùy Linh           | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Tuệ Đăng         | Con                                                       | -                              | -                               |
|           | Nguyễn Việt Hoài        | Em trai                                                   | -                              | -                               |
| <b>11</b> | <b>Đào Thị Thu Hằng</b> | <b>Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng</b>                   | <b>50.000</b>                  | <b>0,83%</b>                    |
|           | Đào Sỹ Hào              | Bố                                                        | -                              | -                               |
|           | Vũ Thị Băng             | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|           | Sái Văn Sang            | Bố chồng                                                  | -                              | -                               |
|           | Trần Thị Mỡ             | Mẹ chồng                                                  | -                              | -                               |
|           | Sái Anh Khoa            | Chồng                                                     | -                              | -                               |
|           | Sái Hà Phương           | Con                                                       | -                              | -                               |





| STT | Họ và tên           | Chức vụ tại Công ty (nếu có)/Mối quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu tại ngày 20/3/2025 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 20/3/2025 |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|     | Sái Đào Khánh Hùng  | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Sái Hà Anh          | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Đào Tuấn Dũng       | Anh trai                                                  | 6.000                          | 0,10%                           |
|     | Đào Thị Thu Hà      | Em gái                                                    | 5.000                          | 0,08%                           |
| 12  | <b>Phạm Ngọc Hà</b> | <b>Phó Giám đốc</b>                                       | <b>20.000</b>                  | <b>0,33%</b>                    |
|     | Phạm Ngọc Ánh       | Bố                                                        | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Thị Chuyên   | Mẹ                                                        | -                              | -                               |
|     | Ngô Quang Tân       | Bố vợ                                                     | -                              | -                               |
|     | Nguyễn Thị Thông    | Mẹ vợ                                                     | -                              | -                               |
|     | Ngô Thị Giang       | Vợ                                                        | -                              | -                               |
|     | Phạm Bảo Chi        | Con                                                       | -                              | -                               |
|     | Phạm Ngọc Hải       | Em trai                                                   | -                              | -                               |

#### 6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

Căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 như sau:

| Các bên liên quan                   | Mối quan hệ |  |  |
|-------------------------------------|-------------|--|--|
| Công ty CP TM Bía Hà Nội            | Cổ đông lớn |  |  |
| Tổng Công ty CP Bía Rượu NGK Hà Nội | Cổ đông lớn |  |  |
| Công ty TNHH Hải Hà                 | Cổ đông lớn |  |  |
| Công ty CP VINACEGLASS              | Cổ đông lớn |  |  |
| Trương Thị Hòa                      | Cổ đông lớn |  |  |

| Các bên liên quan                   | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |               |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------------|---------------|
|                                     |                    | Năm nay                 | Năm trước     |
| Công ty CP TM Bía Hà Nội            | Chia cổ tức        | 525.000.000             | 825.000.000   |
| Tổng Công ty CP Bía Rượu NGK Hà Nội | Mua hàng           | 4.280.520.500           | 3.395.814.000 |
|                                     | Phí lixang         | 4.865.238.200           | 5.298.854.057 |
|                                     | Nhận tiền thưởng   | 400.000.000             | 450.000.000   |
|                                     | Chia cổ tức        | 210.000.000             | 330.000.000   |
| Công ty TNHH Hải Hà                 | Chia cổ tức        | 469.000.000             | 737.000.000   |
| Công ty CP VINACEGLASS              | Chia cổ tức        | 840.000.000             | 1.320.000.000 |
| Trương Thị Hòa                      | Chia cổ tức        | 434.000.000             | 647.900.000   |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan                   | Cuối năm      | Đầu năm       |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>Phải thu khách hàng (TM V.2)</b> |               |               |
| Tổng Công ty CP Bía Rượu NGK Hà Nội | 8.650.076.176 | 6.465.849.844 |
| <b>Phải trả người bán (TM V.11)</b> |               |               |
| Tổng Công ty CP Bía Rượu NGK Hà Nội | 863.976.477   | 784.834.998   |

III. PHỤ LỤC

- 1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- 2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty
- 3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Hưng Yên, ngày 19 tháng 05 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN QUANG NGHIỆP





**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0900270055**

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 05 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 04 tháng 04 năm 2019

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI - HUNG YÊN 89

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI - HUNG YEN TRADING BEER JOINT STOCK COMPANY 89

Tên công ty viết tắt: HABECO TRADING 89

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 997488

Fax: 0321 997489

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG NGHIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030083001266

Ngày cấp: 11/12/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 8/156 Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 8/156 Phan Đình Phùng, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Thị Thủy



Doãn Thị Tâm



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI**  
**BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

**Hưng Yên, 06/2021**

5. Trừ khi giải thể Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG III**

**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh**

1. Mục tiêu kinh doanh của Công ty: Nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, góp phần phát triển lĩnh vực bia, rượu, nước giải khát đạt trình độ khu vực và quốc tế.
2. Ngành nghề kinh doanh: Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

| Mã ngành, nghề kinh doanh                                                 | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1103,<br>1101,<br>1102,<br>1104,<br>5510,<br>5610,<br>4933,<br>7310, 4663 | Sản xuất các loại bia Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh. Sản xuất rượu vang. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát. Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Dịch vụ nhà hàng, ăn uống Dịch vụ vận tải hàng hóa. Quảng cáo và các dịch vụ liên quan. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu. Kinh doanh nông, lâm, hải sản nguyên liệu. Kinh doanh thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ chế biến. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Kinh doanh phân bón, hóa chất. |

3. Ngoài các nội dung ngành nghề kinh doanh trên, trong quá trình hoạt động Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.





## CHƯƠNG IV

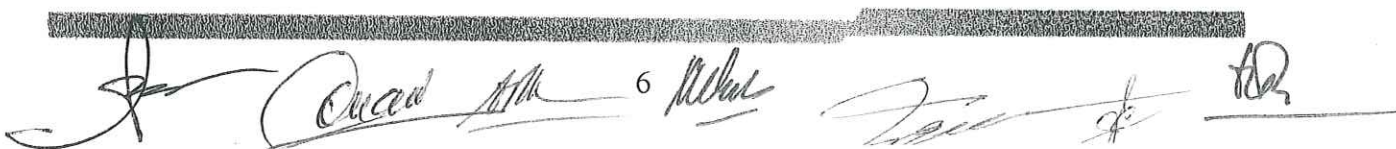
### VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

#### Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng)  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.  
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

#### Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành

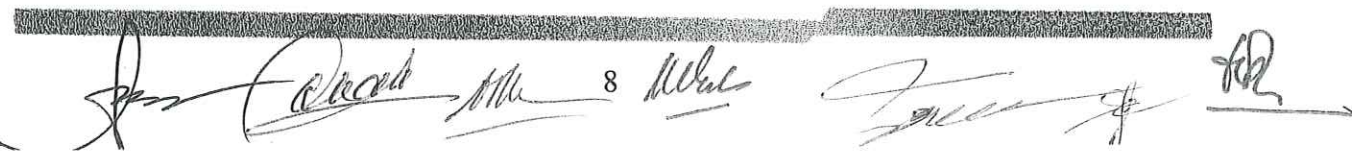


## CHƯƠNG VI

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 11. Quyền của cổ đông

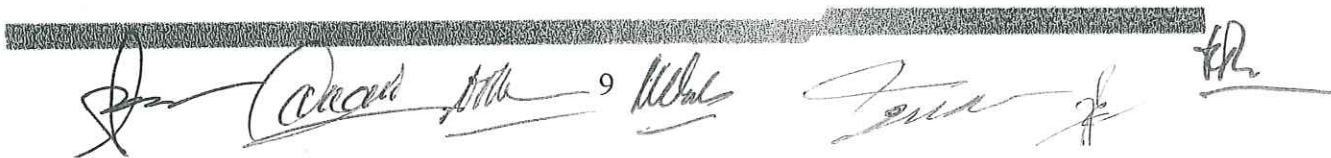
1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
  - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.





2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định như sau: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên, từ 60% đến

70059  
PHẦN  
MẠI  
NỘI  
89  
HUNG



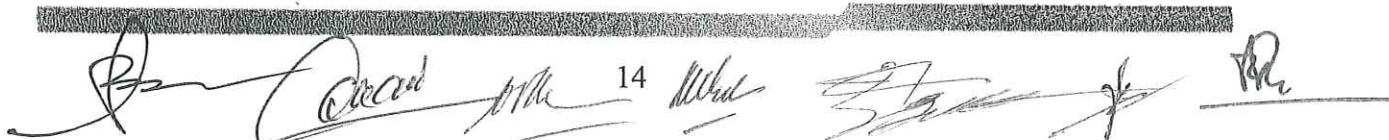


- h) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - i) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - j) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - k) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - l) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - m) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155;
  - n) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

1055-C  
PHẦN  
HỘI  
NỘI  
V.89  
NG YÊN

 14



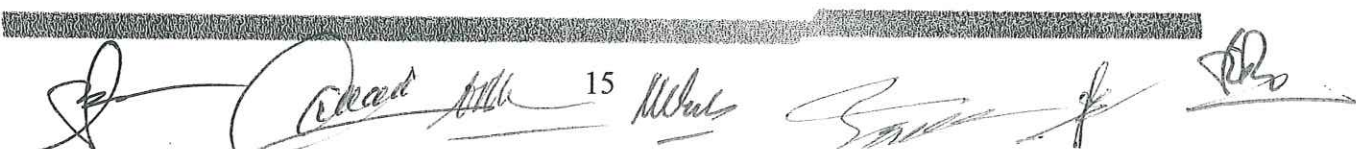
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

 15

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Khi trở thành công ty đại chúng, Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - c) Phiếu biểu quyết;
  - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

 16

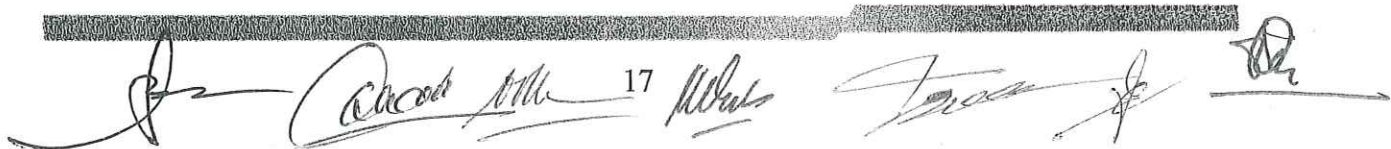


4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

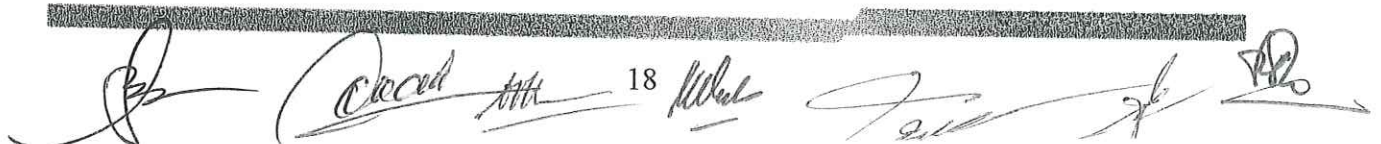
#### **Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

 17

0:090  
CÔNG T  
THUC  
BIA H  
HUNG  
V LAM



1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
  - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

 18



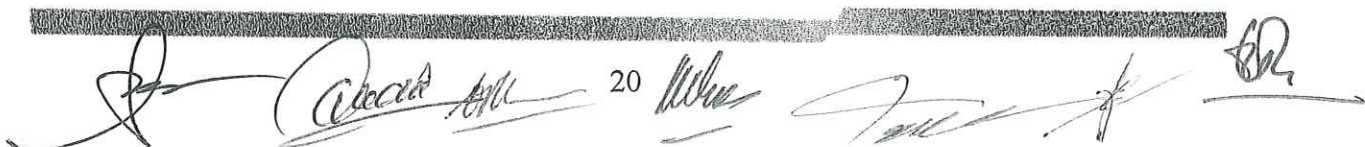
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

- 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
  - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua**

 20 



### **Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

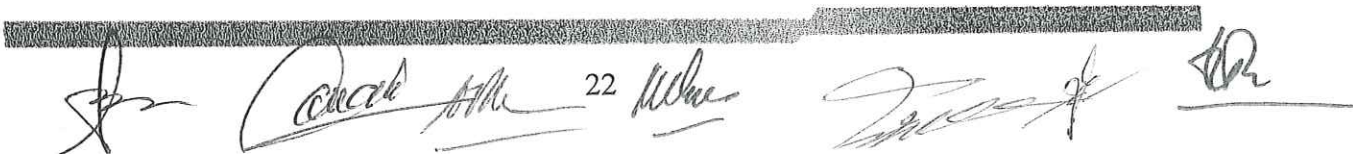
 21

- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

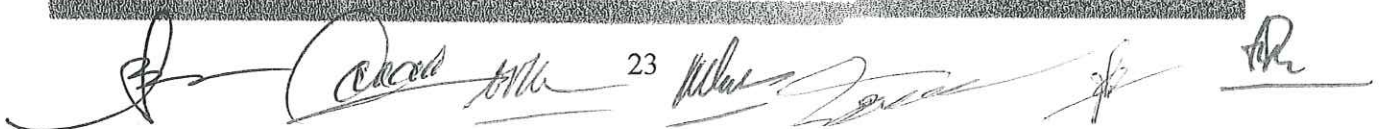
**Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

 22



1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

990027  
NG TY CỔ  
PHƯƠNG  
A HÃ  
ỨNG Y  
AM-T.H

 23

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

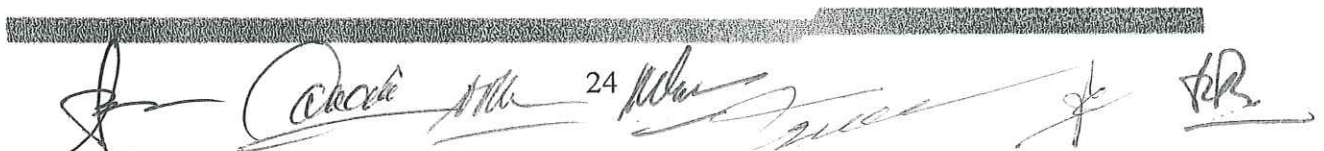
1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VII**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

 24



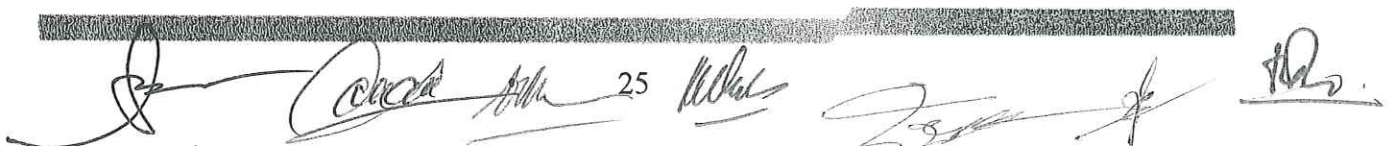
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

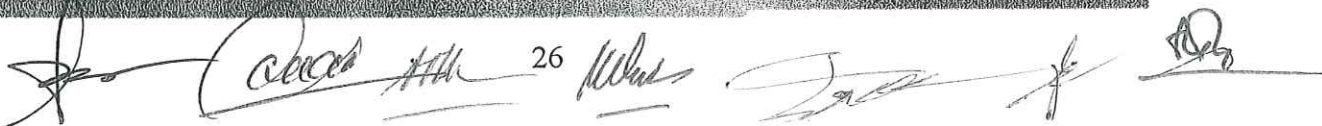
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 7 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty có tối thiểu 1 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

 25

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

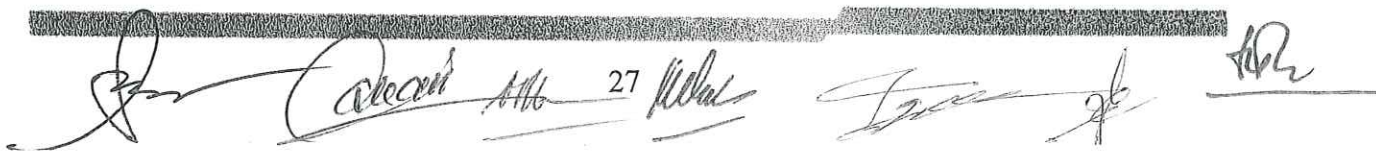
 26



- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155.

**Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm

 27

bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

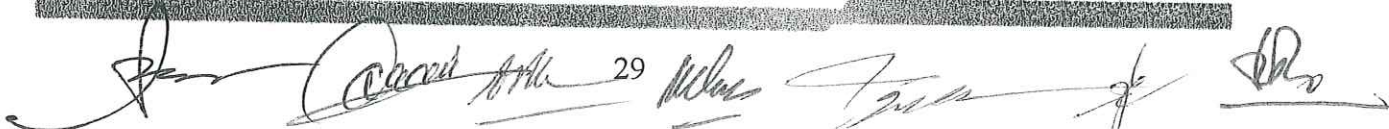
**Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị

 28



- đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
    - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
    - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
  4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
  6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
  7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
  8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
  9. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
  10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này

 29

không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

 30



1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

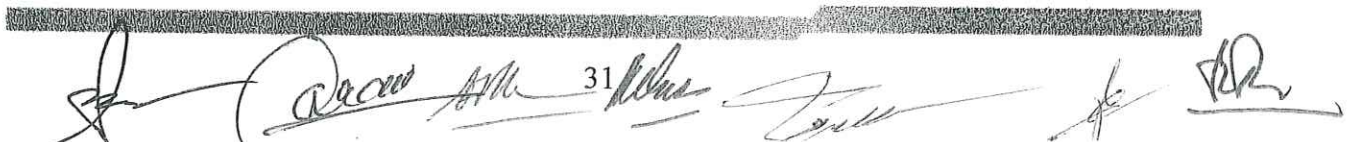
## CHƯƠNG VIII

### GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

#### Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

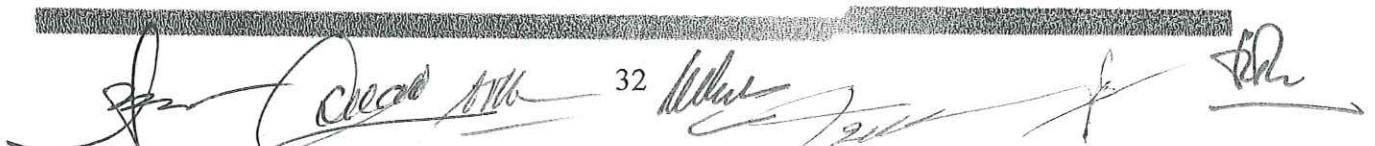
#### Điều 33. Người điều hành Công ty



1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e) đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;





- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

 33

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

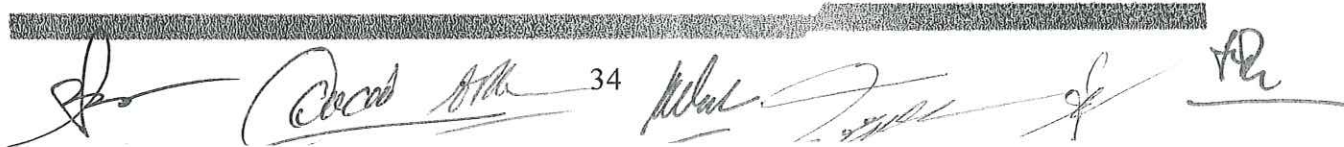
1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh

U055  
PHẦN  
MẠI  
NỘI  
TÊN 89  
HUNG

 34



ngiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

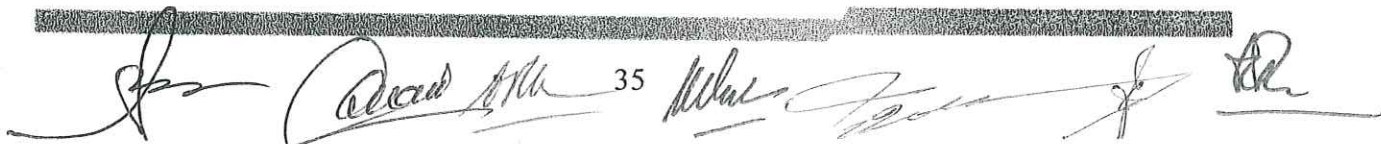
#### **Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội

 35

đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

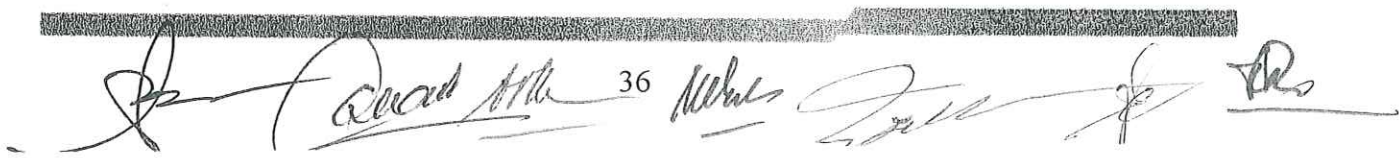
## **CHƯƠNG X**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
  - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội





đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

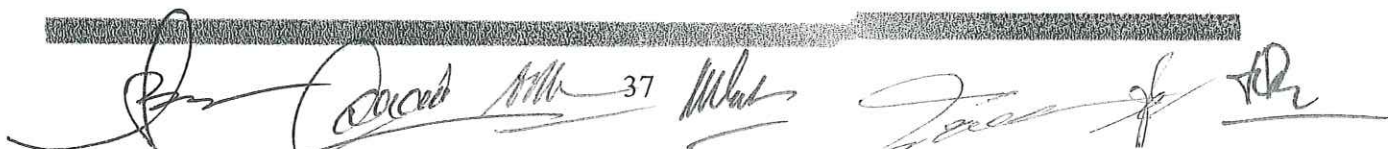
1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **CHƯƠNG XI**

#### **QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

##### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;



Handwritten signatures and a stamp at the bottom of the page. The stamp is a red circular seal with the text "CÔNG TY TNHH HABECO" and "HABECO" in the center. There are several handwritten signatures in black ink, some of which are partially obscured by the stamp.



- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## CHƯƠNG XII

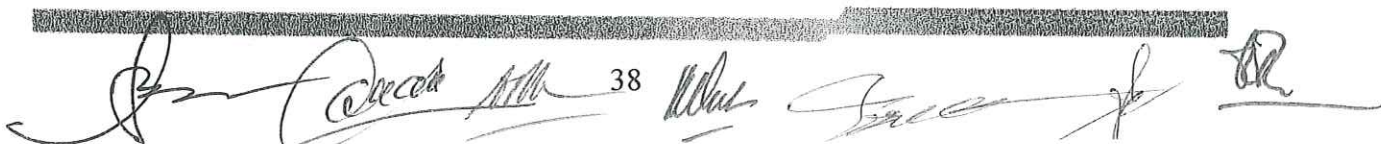
### CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

#### Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIII

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

 38



#### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

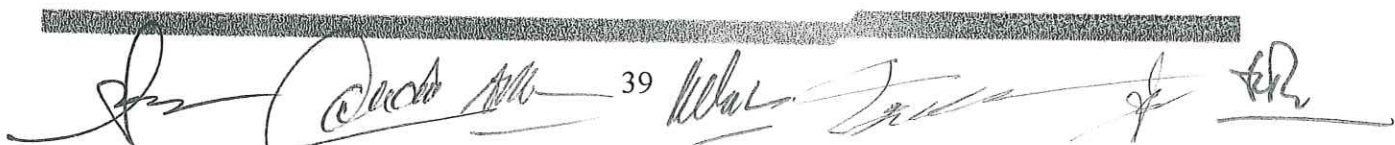
1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **CHƯƠNG XIV**

#### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

 39

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **Điều 48. Chế độ kế toán**

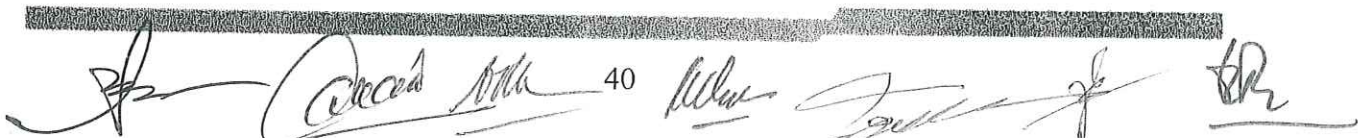
1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **CHƯƠNG XV**

#### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 40



## CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

### Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

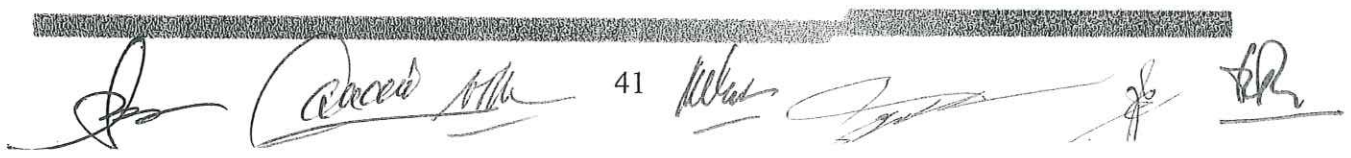
### Điều 51. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

### Điều 52. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;



- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 53. Thanh lý**

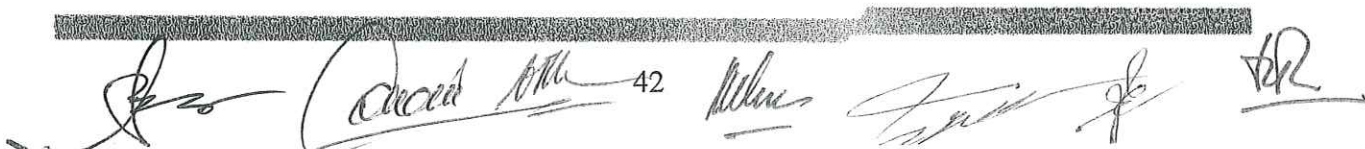
1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c) Nợ thuế;
  - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

 42



- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG XX

### BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

#### Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

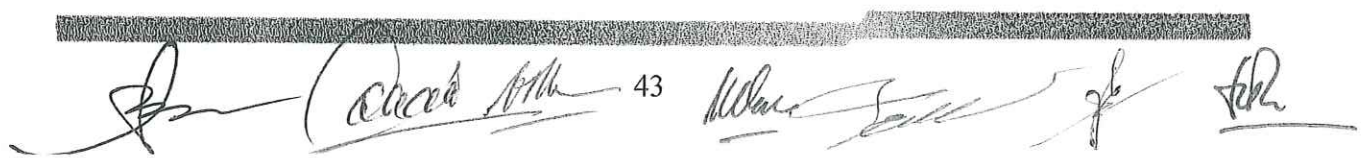
## CHƯƠNG XXI

### NGÀY HIỆU LỰC

#### Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

0055  
PHẦN  
MẠI  
NỘI  
89  
HUNG

 43

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Hung Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2021*

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY KÝ TÊN**

**Chủ tịch HĐQT**



**NGUYỄN ĐĂNG TOÀN**

**Thành viên HĐQT**

**PHẠM TRUNG KIÊN**

**Thành viên HĐQT**

**DƯƠNG NHƯ QUANG**

**Thành viên HĐQT**

**PHAN NGỌC ANH**

**Thành viên HĐQT**

**Giám Đốc**

**NGUYỄN QUANG NGHIỆP**

**Thành viên HĐQT**

**NGUYỄN VĂN VIỆT**

**Thành viên HĐQT**

**NGUYỄN HẢI QUÂN**





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA  
ĐC: 54/3 Nguyễn Bình Khiêm Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.3910 3908 – 028.3910 6162

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13.12.2/2024/NVA-GUQ

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011.

Tôi tên: **Nguyễn Minh Tiến**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán NVA, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

Nay ủy quyền cho:

**Bà Cao Thị Hồng Nga**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Được quyền: Thay mặt Tổng Giám đốc công ty để trực tiếp giao dịch, ký Báo cáo Soát xét, Báo cáo Kiểm toán phát hành trong năm 2025 và các hồ sơ tài liệu có liên quan theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
đã được kiểm toán**





**MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                      | <b>TRANG</b> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC             | 02 – 03      |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 04 – 05      |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  |              |
| Bảng cân đối kế toán                 | 06 – 07      |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 09 – 10      |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính    | 11 – 37      |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**Khái quát**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 đăng ký lần đầu ngày 14/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0900270055 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 04/04/2019.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Trung Trắc - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên.

**Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :**

**Hội đồng Quản trị :**

|                         |            |
|-------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Đăng Toàn    | Chủ tịch   |
| Ông Phạm Trung Kiên     | Thành viên |
| Ông Phan Ngọc Anh       | Thành viên |
| Ông Dương Như Quang     | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hải Quân     | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Việt     | Thành viên |
| Ông Nguyễn Quang Nghiệp | Thành viên |

**Ban Giám đốc:**

|                         |              |
|-------------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Quang Nghiệp | Giám đốc     |
| Bà Đào Thị Thu Hằng     | Phó Giám đốc |
| Ông Phạm Ngọc Hà        | Phó Giám đốc |

**Ban Kiểm soát:**

|                      |            |
|----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Tuấn Anh  | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Bá Ngọc   | Thành viên |
| Ông Nguyễn Việt Dũng | Thành viên |

**Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này**

Ông Nguyễn Quang Nghiệp Giám đốc



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp  
Giám đốc



Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Thị Thủy

Số : 24.12.5.1/24/BCKT/NVA.VP

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89, được lập ngày 25/02/2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán, báo cáo kiểm toán số 042/2023/BCTC-FAC lập ngày 14/03/2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần



**Công ty TNHH Kiểm toán NVA**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Cao Thị Hồng Nga**

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 0613-2023-152-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Chí Thanh**

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

| <b>TÀI SẢN</b>                               | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Cuối năm</b>        | <b>Đầu năm</b>         |
|----------------------------------------------|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |                    | <b>65.889.428.713</b>  | <b>64.582.921.874</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>   | <b>V.1</b>         | <b>13.116.064.211</b>  | <b>24.034.851.587</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111          |                    | 12.116.064.211         | 8.949.317.340          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112          |                    | 1.000.000.000          | 15.085.534.247         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b>   |                    | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b>   |                    | <b>24.973.016.331</b>  | <b>16.300.313.121</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131          | V.2                | 12.181.597.704         | 7.277.673.184          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132          | V.3                | 12.864.937.301         | 8.913.366.291          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136          | V.4                | 6.481.326              | 189.273.646            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137          | V.5                | (80.000.000)           | (80.000.000)           |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b>   | <b>V.6</b>         | <b>25.693.129.585</b>  | <b>22.850.690.612</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141          |                    | 25.693.129.585         | 22.850.690.612         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149          |                    | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>   |                    | <b>2.107.218.586</b>   | <b>1.397.066.554</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151          | V.7                | 2.107.218.586          | 1.211.819.219          |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152          |                    | -                      | 185.247.335            |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước       | 153          |                    | -                      | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>138.982.856.284</b> | <b>131.066.023.648</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b>   |                    | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b>   |                    | <b>110.420.754.659</b> | <b>71.626.654.756</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221          | V.9                | 110.420.754.659        | 71.626.654.756         |
| - Nguyên giá                                 | 222          |                    | 315.821.085.675        | 258.755.849.605        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223          |                    | (205.400.331.016)      | (187.129.194.849)      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b>   |                    | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b>   |                    | <b>1.193.817.296</b>   | <b>36.363.740.307</b>  |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242          | V.8                | 1.193.817.296          | 36.363.740.307         |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b>   |                    | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b>   |                    | <b>27.368.284.329</b>  | <b>23.075.628.585</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          | V.7                | 27.368.284.329         | 23.075.628.585         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b>   |                    | <b>204.872.284.997</b> | <b>195.648.945.522</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Cuối năm               | Đầu năm                |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>300</b> |             | <b>118.773.817.543</b> | <b>108.619.763.034</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>65.016.237.543</b>  | <b>108.619.763.034</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311        | V.11        | 14.901.819.351         | 13.313.832.351         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312        | V.12        | 1.333.357.337          | 1.251.946.040          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 313        | V.13        | 10.230.593.615         | 30.788.462.563         |
| 4. Phải trả người lao động                      | 314        |             | 6.468.656.618          | 5.833.644.886          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 315        | V.14        | 24.998.549             | -                      |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                       | 319        | V.15        | 7.717.237.311          | 56.207.177.675         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn            | 320        | V.10        | 23.300.904.132         | -                      |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                    | 322        |             | 1.038.670.630          | 1.224.699.519          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                           | <b>330</b> |             | <b>53.757.580.000</b>  | <b>-</b>               |
| 1. Phải trả dài hạn khác                        | 337        | V.15        | 53.757.580.000         | -                      |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b> |             | <b>86.098.467.454</b>  | <b>87.029.182.488</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.16</b> | <b>86.098.467.454</b>  | <b>87.029.182.488</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 60.000.000.000         | 60.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 60.000.000.000         | 60.000.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 20.800.031.856         | 20.800.031.856         |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 421        |             | 5.298.435.598          | 6.229.150.632          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 629.150.632            | 2.160.874.352          |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 4.669.284.966          | 4.068.276.280          |
| <b>II. Nguồn kinh phí</b>                       | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>204.872.284.997</b> | <b>195.648.945.522</b> |

Người lập biểu

Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hằng



Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 01    | VI.1        | 269.406.447.997 | 253.151.940.531 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    | VI.2        | 8.576.349.984   | 8.507.025.208   |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 10    |             | 260.830.098.013 | 244.644.915.323 |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11    | VI.3        | 186.496.894.834 | 182.252.095.632 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20    |             | 74.333.203.179  | 62.392.819.691  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    | VI.4        | 340.824.350     | 1.964.468.414   |
| 7. Chi phí tài chính                             | 22    | VI.5        | 920.197.701     | 216.369.053     |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                        | 23    |             | 488.235.737     | 90.539.726      |
| 8. Chi phí bán hàng                              | 25    | VI.7        | 45.115.256.583  | 39.542.535.970  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    | VI.8        | 22.318.925.883  | 19.043.284.293  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      | 30    |             | 6.319.647.362   | 5.555.098.789   |
| 11. Thu nhập khác                                | 31    | VI.6        | 385.254.888     | 117.053.140     |
| 12. Chi phí khác                                 | 32    | VI.6        | 694.878.154     | 445.321.933     |
| 13. Lợi nhuận khác                               | 40    |             | (309.623.266)   | (328.268.793)   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | 50    |             | 6.010.024.096   | 5.226.829.996   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51    | VI.10       | 1.340.739.130   | 1.158.553.716   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 60    |             | 4.669.284.966   | 4.068.276.280   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 70    | VI.11       | 552             | 445             |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                   | 71    | VI.11       | 552             | 445             |

Người lập biểu

Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Hằng



Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm nay          | Năm trước        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |       |             |                  |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01    |             | 6.010.024.096    | 5.226.829.996    |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |       |             |                  |                  |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02    |             | 19.850.161.008   | 19.151.778.918   |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03    |             | -                | -                |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04    |             | -                | -                |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05    |             | (328.678.460)    | (1.985.793.574)  |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06    |             | 488.235.737      | 90.539.726       |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      | 07    |             | -                | -                |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08    |             | 26.019.742.381   | 22.483.355.066   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    |             | (8.487.455.875)  | (3.637.187.752)  |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10    |             | (7.891.793.491)  | (5.812.215.695)  |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | (13.155.322.419) | 47.500.578.283   |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12    |             | (5.188.055.111)  | (12.625.823.502) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              | 13    |             |                  |                  |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14    |             | (488.235.737)    | (90.539.726)     |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    |             | (1.146.237.445)  | (2.496.061.404)  |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16    |             | 350.000.000      | 450.000.000      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17    |             | (1.936.028.889)  | (1.424.211.000)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    | 20    |             | (11.923.386.586) | 44.347.894.270   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |       |             |                  |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                | 21    |             | (18.605.037.268) | (45.327.917.495) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             | 22    |             | 374.074.074      | 30.000.000       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23    |             |                  |                  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  | 24    |             | -                | -                |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                       | 25    |             | -                | -                |
| 6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác                                                          | 26    |             | -                | -                |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27    |             | 134.658.272      | 1.955.793.574    |
| Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư                                                           | 30    |             | (18.096.304.922) | (43.342.123.921) |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                      |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        |             | 53.084.038.252          | 27.000.000.000         |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        |             | (29.783.134.120)        | (27.000.000.000)       |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                       | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | (4.200.000.000)         | (6.600.000.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>19.100.904.132</b>   | <b>(6.600.000.000)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>(10.918.787.376)</b> | <b>(5.594.229.651)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> |             | <b>24.034.851.587</b>   | <b>29.629.081.238</b>  |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>                             | <b>61</b> |             | <b>-</b>                | <b>-</b>               |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>13.116.064.211</b>   | <b>24.034.851.587</b>  |

Người lập biểu



Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hằng

Giám đốc



Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025



# **CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2024**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000221 đăng ký lần đầu ngày 14/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 0900270055 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 04/04/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại Xã Trung Trắc - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng

##### **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31/12/2024 là: 125 người (tại ngày 31/12/2023 là 134 người).

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và cũng không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính.

##### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

- + Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- + Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- + Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| Loại tài sản             | Thời gian khấu hao (năm) |           |
|--------------------------|--------------------------|-----------|
|                          | Năm nay                  | Năm trước |
| Nhà cửa vật kiến trúc    | 5-25                     | 5-25      |
| Máy móc thiết bị         | 5-15                     | 5-15      |
| Phương tiện vận tải      | 6-10                     | 6-10      |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 6-10                     | 6-10      |

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty thực hiện chính sách khấu hao nhanh hơn mức bình thường 2 lần đối với một số tài sản. Khấu hao tăng thêm như sau:

| <b>Loại tài sản</b> | <b>Khấu hao bình thường</b> | <b>Khấu hao 2 lần</b> | <b>Chênh lệch tăng</b> |
|---------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Máy móc thiết bị    | 598.278.412                 | 1.196.556.823         | 598.278.411            |

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

***Các quỹ khác***

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



**17. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**18. Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

*Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại tuần của nợ phải trả tài chính.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

|                                 | <b>Cuối năm</b><br><b>VND</b> | <b>Đầu năm</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt                        | 1.114.874.754                 | 2.304.115.612                |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 11.001.189.457                | 6.645.201.728                |
| Tương đương tiền (*)            | 1.000.000.000                 | 15.085.534.247               |
| <b>Cộng</b>                     | <b>13.116.064.211</b>         | <b>24.034.851.587</b>        |

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT136-HABECO89 ngày 18/12/2024.

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

|                                           | <b>Cuối năm</b><br><b>VND</b> | <b>Đầu năm</b><br><b>VND</b> |
|-------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Phân Phối Đồ uống Phương Nam | 2.756.839.200                 | 353.062.200                  |
| Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội   | 8.650.076.176                 | 6.465.849.844                |
| Các đối tượng khác                        | 774.682.328                   | 458.761.140                  |
| <b>Cộng</b>                               | <b>12.181.597.704</b>         | <b>7.277.673.184</b>         |

**Phải thu khách hàng là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                         | <b>Cuối năm</b><br><b>VND</b> | <b>Đầu năm</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Công Nghệ và Nguyên Liệu Thực Phẩm         | 6.071.897.484                 | -                            |
| Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Thực Phẩm An Vượng    | -                             | 1.418.648.000                |
| Công ty TNHH Công Nghệ Môi trường & Phát triển Bền Vững | -                             | 986.129.600                  |
| Công ty CP Tập đoàn kỹ thuật và công nghiệp Việt Nam    | -                             | 1.193.134.080                |
| Công ty TNHH NAGAOKA Việt Nam                           | -                             | 1.881.000.000                |
| AKOMAG S.r.l.                                           | 4.034.297.889                 | -                            |
| Các đối tượng khác                                      | 2.758.741.928                 | 3.434.454.611                |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>12.864.937.301</b>         | <b>8.913.366.291</b>         |

Trả trước cho người bán là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

**4. Phải thu khác ngắn hạn**

|               | <b>Cuối năm</b><br><b>VND</b> | <b>Đầu năm</b><br><b>VND</b> |
|---------------|-------------------------------|------------------------------|
| Lãi dự thu    | 1.315.068                     | 40.709.499                   |
| Phải thu khác | 5.166.258                     | 148.564.147                  |
| <b>Cộng</b>   | <b>6.481.326</b>              | <b>189.273.646</b>           |

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

|                                                    | <b>Cuối năm</b>   |                     | <b>Đầu năm</b>    |                     |
|----------------------------------------------------|-------------------|---------------------|-------------------|---------------------|
|                                                    | <b>Giá gốc</b>    | <b>Dự phòng</b>     | <b>Giá gốc</b>    | <b>Dự phòng</b>     |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                         |                   |                     |                   |                     |
| Công ty TNHH Chế tạo thiết bị công nghệ Thành Phát | 80.000.000        | (80.000.000)        | 80.000.000        | (80.000.000)        |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>80.000.000</b> | <b>(80.000.000)</b> | <b>80.000.000</b> | <b>(80.000.000)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

|                                     | Cuối năm              |          | Đầu năm               |          |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                     | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 12.361.970.464        | -        | 13.905.758.415        | -        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 9.236.368.124         | -        | 4.151.621.172         | -        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 3.892.845.399         | -        | 4.532.447.463         | -        |
| Thành phẩm                          | 114.400.168           | -        | 224.798.234           | -        |
| Hàng hóa                            | 87.545.430            | -        | 36.065.328            | -        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>25.693.129.585</b> | <b>-</b> | <b>22.850.690.612</b> | <b>-</b> |

**7. Chi phí trả trước**

|                                     | Cuối năm<br>VND       | Đầu năm<br>VND        |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>                  |                       |                       |
| Giá trị còn lại của công cụ, vỏ keg | 249.517.185           | 330.589.193           |
| Chi phí sửa chữa, khác              | 1.857.701.401         | 881.230.026           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>2.107.218.586</b>  | <b>1.211.819.219</b>  |
| <b>b. Dài hạn</b>                   |                       |                       |
| Giá trị còn lại của công cụ, vỏ keg | 19.310.699.554        | 15.048.399.036        |
| Chi phí khác                        | 8.057.584.775         | 8.027.229.549         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>27.368.284.329</b> | <b>23.075.628.585</b> |

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

|                                                     | Cuối năm<br>VND      | Đầu năm<br>VND        |
|-----------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí cải tạo, mua sắm hình thành tài sản cố định | 1.193.817.296        | 36.363.740.307        |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>1.193.817.296</b> | <b>36.363.740.307</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HÙNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                                  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc,<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Dụng cụ<br>Quản lý | Đơn vị tính: VND |
|----------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                |                           |                      |                        |                    | <b>Cộng</b>      |
| Số dư đầu năm                    | 38.565.294.280            | 201.322.118.417      | 18.309.255.994         | 559.180.914        | 258.755.849.605  |
| Số tăng trong năm                | 2.644.181.579             | 50.202.253.284       | 5.865.517.402          | 112.362.532        | 58.824.314.797   |
| - <i>Mua trong năm</i>           | -                         | -                    | 5.645.474.000          | 34.536.364         | 5.680.010.364    |
| - <i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i> | 2.644.181.579             | 50.202.253.284       | 220.043.402            | 77.826.168         | 53.144.304.433   |
| Số giảm trong năm                | 153.470.000               | 204.836.000          | 1.400.772.727          | -                  | 1.759.078.727    |
| - <i>Thanh lý, nhượng bán</i>    | 153.470.000               | 204.836.000          | 1.400.772.727          | -                  | 1.759.078.727    |
| Số dư cuối năm                   | 41.056.005.859            | 251.319.535.701      | 22.774.000.669         | 671.543.446        | 315.821.085.675  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>    |                           |                      |                        |                    |                  |
| Số dư đầu năm                    | 18.183.278.861            | 157.685.413.225      | 10.769.592.816         | 490.909.947        | 187.129.194.849  |
| Số tăng trong năm                | 2.900.409.077             | 15.138.447.288       | 1.778.924.738          | 32.379.905         | 19.850.161.008   |
| - <i>Khấu hao trong năm</i>      | 2.900.409.077             | 15.138.447.288       | 1.778.924.738          | 32.379.905         | 19.850.161.008   |
| Số giảm trong năm                | 113.617.337               | 131.053.394          | 1.334.354.110          | -                  | 1.579.024.841    |
| - <i>Thanh lý, nhượng bán</i>    | 113.617.337               | 131.053.394          | 1.334.354.110          | -                  | 1.579.024.841    |
| Số dư cuối năm                   | 20.970.070.601            | 172.692.807.119      | 11.214.163.444         | 523.289.852        | 205.400.331.016  |
| <b>Giá trị còn lại</b>           |                           |                      |                        |                    |                  |
| Tại ngày đầu năm                 | 20.382.015.419            | 43.636.705.192       | 7.539.663.178          | 68.270.967         | 71.626.654.756   |
| Tại ngày cuối năm                | 20.085.935.258            | 78.626.728.582       | 11.559.837.225         | 148.253.594        | 110.420.754.659  |

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 123.497.256.359 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để chấp đảm bảo các khoản vay: 21.538.207.423 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HÙNG YÊN 89**  
 Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|                                                         | Cuối năm              |                       | Phát sinh trong năm   |                       | Đầu năm  |                       |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|
|                                                         | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                  | Giá trị  | Số có khả năng trả nợ |
|                                                         |                       |                       |                       |                       |          |                       |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                     |                       |                       |                       |                       |          |                       |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phố Hiến (*)  | 8.300.904.132         | 8.300.904.132         | 36.393.130.660        | 28.092.226.528        | -        | -                     |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai (**) | 15.000.000.000        | 15.000.000.000        | 16.690.907.592        | 1.690.907.592         | -        | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                                        | <b>23.300.904.132</b> | <b>23.300.904.132</b> | <b>53.084.038.252</b> | <b>29.783.134.120</b> | <b>-</b> | <b>-</b>              |

(\*) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Phố Hiến theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.0518/VCB.PHI ngày 06/11/2024. Thời hạn vay 5 tháng/ lần nhận nợ. Số tiền cho vay tối đa: 30.000.000.000 VND. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất. Tài sản đảm bảo là các tài sản quy định trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.0518/VCB.PHI ngày 06/11/2024.

(\*\*) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT136-HABECO89 ngày 18/12/2024. Thời hạn vay 6 tháng/ lần nhận nợ. Số tiền cho vay tối đa: 15.000.000.000 VND. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các tài sản quy định trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT136-HABECO89 ngày 18/12/2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                          | Cuối năm              |                       | Đầu năm               |                       |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                          | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH TM và Vận tải Thái Duyên    | 3.559.423.500         | 3.559.423.500         | 1.783.143.558         | 1.783.143.558         |
| Công ty CP Song Phương KHS GmbH          | 1.535.730.000         | 1.535.730.000         | 737.917.200           | 737.917.200           |
| Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội  | 863.976.477           | 863.976.477           | 4.061.685.563         | 4.061.685.563         |
| Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Đại Việt | -                     | -                     | 784.834.998           | 784.834.998           |
| Các đối tượng khác                       | -                     | -                     | 2.478.405.211         | 2.478.405.211         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>8.942.689.374</b>  | <b>8.942.689.374</b>  | <b>3.467.845.821</b>  | <b>3.467.845.821</b>  |
|                                          | <b>14.901.819.351</b> | <b>14.901.819.351</b> | <b>13.313.832.351</b> | <b>13.313.832.351</b> |

b. Phải trả người bán là bên liên quan : Xem thuyết minh VII.2

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                     | Cuối năm             | Đầu năm              |
|---------------------|----------------------|----------------------|
|                     | VND                  | VND                  |
| Vương Tiến Luân     | -                    | 129.551.140          |
| Hoàng Văn Đa        | 143.698.695          | 52.571.420           |
| Các khách hàng khác | 1.189.658.642        | 1.069.823.480        |
| <b>Cộng</b>         | <b>1.333.357.337</b> | <b>1.251.946.040</b> |

Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

|                                      | Đầu năm<br>VND        | Số phải nộp<br>trong năm | Số đã nộp<br>trong năm | Cuối năm<br>VND       |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Thuế phải nộp</b>                 |                       |                          |                        |                       |
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra         | 13.669.743.351        | 28.077.359.111           | 40.752.691.517         | 994.410.945           |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | -                     | 2.656.402.764            | 2.656.402.764          | -                     |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt               | 15.912.138.772        | 188.789.131.421          | 196.883.571.047        | 7.817.699.146         |
| Thuế xuất nhập khẩu                  | -                     | 321.643.083              | 321.643.083            | -                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp           | 1.145.814.446         | 1.340.739.130            | 1.146.237.445          | 1.340.316.131         |
| Thuế thu nhập cá nhân                | 55.965.994            | 1.067.273.049            | 1.051.151.650          | 72.087.393            |
| Thuế tài nguyên                      | 4.800.000             | 250.395.400              | 249.115.400            | 6.080.000             |
| Thuế đất, tiền thuê đất              | -                     | 161.785.350              | 161.785.350            | -                     |
| Các khoản khác                       | -                     | 52.492.984               | 52.492.984             | -                     |
| <b>Cộng</b>                          | <b>30.788.462.563</b> | <b>222.717.222.292</b>   | <b>243.275.091.240</b> | <b>10.230.593.615</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                 | <b>Cuối năm<br/>VND</b> | <b>Đầu năm<br/>VND</b> |
|-----------------|-------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 24.998.549              |                        |
| <b>Cộng</b>     | <b>24.998.549</b>       | <b>-</b>               |

**15. Phải trả khác**

|                    | <b>Cuối năm<br/>VND</b> | <b>Đầu năm<br/>VND</b> |
|--------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b> |                         |                        |
| Nhận ký cược       | 7.417.270.000           | 56.135.248.000         |
| Phải trả khác      | 299.967.311             | 71.929.675             |
| <b>Cộng</b>        | <b>7.717.237.311</b>    | <b>56.207.177.675</b>  |
| <b>b. Dài hạn</b>  |                         |                        |
| Nhận ký cược       | 53.757.580.000          | -                      |
| <b>Cộng</b>        | <b>53.757.580.000</b>   | <b>-</b>               |

**Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                      | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng       |
|----------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước  | 60.000.000.000            | 20.800.031.856        | 10.569.831.707                    | 91.369.863.563  |
| Lãi trong năm trước  | -                         |                       | 4.068.276.280                     | 4.068.276.280   |
| Trích lập các quỹ    |                           |                       | (1.808.957.355)                   | (1.808.957.355) |
| Chia cổ tức          |                           |                       | (6.600.000.000)                   | (6.600.000.000) |
| Số dư đầu năm nay    | 60.000.000.000            | 20.800.031.856        | 6.229.150.632                     | 87.029.182.488  |
| Lãi trong năm nay    |                           |                       | 4.669.284.966                     | 4.669.284.966   |
| Trích lập các quỹ    |                           |                       | (1.000.000.000)                   | (1.000.000.000) |
| Chia cổ tức          |                           |                       | (4.200.000.000)                   | (4.200.000.000) |
| Thường ban điều hành |                           |                       | (400.000.000)                     | (400.000.000)   |
| Số dư cuối năm nay   | 60.000.000.000            | 20.800.031.856        | 5.298.435.598                     | 86.098.467.454  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                                     | <b>Cuối năm</b>       | <b>%</b>   | <b>Đầu năm</b>        | <b>%</b>   |
|-------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
|                                     | <b>VND</b>            |            | <b>VND</b>            |            |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | 3.000.000.000         | 5,0        | 3.000.000.000         | 5,0        |
| Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội    | 7.500.000.000         | 12,5       | 7.500.000.000         | 12,5       |
| Công ty CP VINACEGLASS              | 12.000.000.000        | 20,0       | 12.000.000.000        | 20,0       |
| Công ty TNHH Hải Hà                 | 6.700.000.000         | 11,2       | 6.700.000.000         | 11,2       |
| Trương Thị Hòa                      | 6.200.000.000         | 10,3       | 6.200.000.000         | 10,3       |
| Vốn góp của các cổ đông khác        | 24.600.000.000        | 41,0       | 24.600.000.000        | 41,0       |
| <b>Cộng</b>                         | <b>60.000.000.000</b> | <b>100</b> | <b>60.000.000.000</b> | <b>100</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                           | <b>Năm nay</b>  | <b>Năm trước</b> |
|---------------------------|-----------------|------------------|
|                           | <b>VND</b>      | <b>VND</b>       |
| Vốn góp đầu năm           | 60.000.000.000  | 60.000.000.000   |
| Vốn góp tăng trong năm    | -               | -                |
| Vốn góp giảm trong năm    | -               | -                |
| Vốn góp cuối năm          | 60.000.000.000  | 60.000.000.000   |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | (4.200.000.000) | (6.600.000.000)  |

**d) Cổ phiếu**

|                                        | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|----------------------------------------|----------------|------------------|
|                                        | <b>VND</b>     | <b>VND</b>       |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 6.000.000      | 6.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 6.000.000      | 6.000.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 6.000.000      | 6.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -              | -                |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | -              | -                |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 6.000.000      | 6.000.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 6.000.000      | 6.000.000        |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               |                |                  |

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                              | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa       | 1.206.391.600          | 10.799.701.767         |
| Doanh thu bán các thành phẩm | 263.942.043.543        | 241.011.600.615        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 4.258.012.854          | 1.340.638.149          |
| <b>Cộng</b>                  | <b>269.406.447.997</b> | <b>253.151.940.531</b> |

**Doanh thu với các bên liên quan:**

|                                     |                |                |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Hải Hà                 | 2.066.988.374  | 5.420.797.739  |
| - Doanh thu đã bao gồm thuế TTĐB    | 3.410.530.817  | 8.944.316.270  |
| - Thuế TTĐB                         | 1.343.542.443  | 3.523.518.531  |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | 43.126.323.991 | 33.930.682.393 |
| - Doanh thu đã bao gồm thuế TTĐB    | 95.265.120.760 | 75.191.573.800 |
| - Thuế TTĐB                         | 52.138.796.769 | 41.260.891.407 |

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 8.454.109.544        | 8.507.025.208        |
| Hàng bán bị trả lại   | 122.240.440          | -                    |
| <b>Cộng</b>           | <b>8.576.349.984</b> | <b>8.507.025.208</b> |

**3. Giá vốn hàng bán**

|                                 | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán     | -                      | 9.757.524.082          |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán   | 181.889.492.802        | 171.121.780.110        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 4.607.402.032          | 1.372.791.440          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>186.496.894.834</b> | <b>182.252.095.632</b> |

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                    | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND     |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay         | 134.658.272        | 1.955.793.574        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 206.166.078        | 8.674.840            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>340.824.350</b> | <b>1.964.468.414</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

|                                      | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND   |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền vay                         | 488.235.737        | 90.539.726         |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 336.723.857        | 125.829.327        |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 95.238.107         | -                  |
| <b>Cộng</b>                          | <b>920.197.701</b> | <b>216.369.053</b> |

**6. Thu nhập khác, Chi phí khác**

|                                 | Năm nay<br>VND     | Năm trước<br>VND   |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>a. Thu nhập khác</b>         |                    |                    |
| Thanh lý tài sản                | 194.020.188        | 30.000.000         |
| Thu nhập khác                   | 191.234.700        | 87.053.140         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>385.254.888</b> | <b>117.053.140</b> |
| <b>b. Chi phí khác</b>          |                    |                    |
| Chi phí phạt vi phạm hành chính | 95.665.152         | 51.239.194         |
| Chi phí khác                    | 599.213.002        | 394.082.739        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>694.878.154</b> | <b>445.321.933</b> |

**7. Chi phí bán hàng**

|                                        | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 25.466.788.261        | 22.273.066.937        |
| Chi phí nhân viên                      | 6.975.590.160         | 6.373.632.457         |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                  | 268.456.337           | 442.668.229           |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài             | 8.342.904.404         | 8.100.688.928         |
| Chi phí khác                           | 4.061.517.421         | 2.352.479.419         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>45.115.256.583</b> | <b>39.542.535.970</b> |

**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                        | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND      |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 1.165.114.110         | 749.457.929           |
| Chi phí nhân viên                      | 8.466.886.882         | 7.729.192.394         |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                  | 1.371.922.355         | 1.030.377.840         |
| Chi phí dịch vụ thuê ngoài             | 6.451.907.837         | 7.414.239.674         |
| Chi phí khác                           | 4.863.094.699         | 2.120.016.456         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>22.318.925.883</b> | <b>19.043.284.293</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 159.850.568.347        | 148.464.279.782        |
| Chi phí nhân công                | 32.476.419.475         | 30.329.556.604         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.850.161.008         | 19.151.778.918         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 31.164.528.070         | 28.292.108.666         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 9.839.400.270          | 5.679.075.443          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>253.181.077.170</b> | <b>231.916.799.413</b> |

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

|                                                                                     | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                   | 6.010.024.096        | 5.226.829.996        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế | 693.671.552          | 565.938.585          |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                         | 693.671.552          | 565.938.585          |
| + Chi phí không được khấu trừ                                                       | 693.671.552          | 565.938.585          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                         | -                    | -                    |
| Tổng lợi nhuận tính thuế                                                            | 6.703.695.648        | 5.792.768.581        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                | 20%                  | 20%                  |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                      | <b>1.340.739.130</b> | <b>1.158.553.716</b> |

**11. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                                                | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế                     | 4.669.284.966   | 4.068.276.280    |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận     | (1.359.150.632) | (1.400.000.000)  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                    | -               | -                |
| - Các khoản điều chỉnh giảm (*)                | 1.359.150.632   | 1.400.000.000    |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông          | 3.310.134.334   | 2.668.276.280    |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 6.000.000       | 6.000.000        |
| Lãi trên cổ phiếu                              |                 |                  |
| - Lãi cơ bản                                   | 552             | 445              |
| - Lãi suy giảm                                 | 552             | 445              |

Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: Xem thêm VII.10

Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm nay là phần quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành tạm tính theo kế hoạch phân chia lợi nhuận 2024 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày 10/05/2024.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan****2.1 Danh mục các bên liên quan**

| Các bên liên quan                   | Mối quan hệ |
|-------------------------------------|-------------|
| Công ty CP TM Bia Hà Nội            | Cổ đông lớn |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Hải Hà                 | Cổ đông lớn |
| Công ty CP VINACEGLASS              | Cổ đông lớn |
| Trương Thị Hòa                      | Cổ đông lớn |

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

**2.2 Giao dịch với bên liên quan**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh doanh thu đã thuyết minh tại mục VI.1. Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

| Các bên liên quan                   | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |               |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------------|---------------|
|                                     |                    | Năm nay                 | Năm trước     |
| Công ty CP TM Bia Hà Nội            | Chia cổ tức        | 525.000.000             | 825.000.000   |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | Mua hàng           | 4.280.520.500           | 3.395.814.000 |
|                                     | Phí lixang         | 4.865.238.200           | 5.298.854.057 |
|                                     | Nhận tiền thưởng   | 400.000.000             | 450.000.000   |
|                                     | Chia cổ tức        | 210.000.000             | 330.000.000   |
| Công ty TNHH Hải Hà                 | Chia cổ tức        | 469.000.000             | 737.000.000   |
| Công ty CP VINACEGLASS              | Chia cổ tức        | 840.000.000             | 1.320.000.000 |
| Trương Thị Hòa                      | Chia cổ tức        | 434.000.000             | 647.900.000   |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan                   | Cuối năm      | Đầu năm       |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>Phải thu khách hàng (TM V.2)</b> |               |               |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | 8.650.076.176 | 6.465.849.844 |
| <b>Phải trả người bán (TM V.11)</b> |               |               |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | 863.976.477   | 784.834.998   |

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

| Họ và tên                              | Chức danh                       | Nội dung      | Năm nay<br>(VND) | Năm trước<br>(VND) |
|----------------------------------------|---------------------------------|---------------|------------------|--------------------|
| <b>Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b> |                                 |               |                  |                    |
| Nguyễn Đăng Toàn                       | Chủ tịch HĐQT                   | Lương, thưởng | 1.142.380.769    | 1.094.075.000      |
| Phạm Trung Kiên                        | Thành viên HĐQT                 | Thù lao       | 75.000.000       | 45.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 50.000.000       | 30.000.000         |
| Phan Ngọc Anh                          | Thành viên HĐQT                 | Thù lao       | 75.000.000       | 45.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 50.000.000       | 30.000.000         |
| Dương Như Quang                        | Thành viên HĐQT                 | Thù lao       | 75.000.000       | 45.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 50.000.000       | 30.000.000         |
| Nguyễn Hải Quân                        | Thành viên HĐQT                 | Thù lao       | 75.000.000       | 45.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 50.000.000       | 30.000.000         |
| Nguyễn Văn Việt                        | Thành viên HĐQT                 | Thù lao       | 75.000.000       | 45.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 50.000.000       | 30.000.000         |
| Nguyễn Quang Nghiệp                    | Thành viên HĐQT                 | Thù lao       | 75.000.000       | 45.000.000         |
|                                        | Giám đốc                        | Lương, thưởng | 862.700.983      | 785.169.504        |
| Đào Thị Thu Hằng                       | Phó Giám đốc/<br>Kế toán trưởng | Lương, thưởng | 736.954.875      | 696.018.060        |
| Ông Phạm Ngọc Hà                       | Phó giám đốc                    | Lương, thưởng | 685.434.074      | 613.815.000        |
| <b>Ban Kiểm soát</b>                   |                                 |               |                  |                    |
| Nguyễn Tuấn Anh                        | Trưởng ban                      | Lương, thưởng | 261.837.204      | 223.995.298        |
| Nguyễn Bá Ngọc                         | Thành viên                      | Thù lao       | 30.000.000       | 21.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 7.000.000        |                    |
| Nguyễn Việt Dũng                       | Thành viên                      | Thù lao       | 30.000.000       | 21.000.000         |
|                                        |                                 | Lương, thưởng | 7.000.000        |                    |



**3. Thông tin về bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**4. Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.1; V.8 và V.10). Tại thời điểm kết thúc năm Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

**5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

|                         | <b>Từ 01 năm<br/>trở xuống</b> | <b>Từ 01 năm<br/>đến 05 năm</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      | <b>63.977.566.913</b>          | <b>53.757.580.000</b>           | <b>117.735.146.913</b> |
| Vay và nợ               | 23.300.904.132                 | -                               | 23.300.904.132         |
| Phải trả người bán      | 14.901.819.351                 | -                               | 14.901.819.351         |
| Người mua trả trước     | 1.333.357.337                  | -                               | 1.333.357.337          |
| Chi phí phải trả        | 24.998.549                     | -                               | 24.998.549             |
| Các khoản phải trả khác | 24.416.487.544                 | 53.757.580.000                  | 78.174.067.544         |
| <b>Số đầu năm</b>       | <b>107.395.063.515</b>         | <b>-</b>                        | <b>107.395.063.515</b> |
| Phải trả người bán      | 13.313.832.351                 | -                               | 13.313.832.351         |
| Người mua trả trước     | 1.251.946.040                  | -                               | 1.251.946.040          |
| Các khoản phải trả khác | 92.829.285.124                 | -                               | 92.829.285.124         |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ:***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

***Rủi ro lãi suất:***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TM BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89**

Địa chỉ: Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**9. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

**10. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Số liệu lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2024. Cụ thể như sau:

| Nội dung                              | Năm trước     | Năm trước     | Chênh lệch      |
|---------------------------------------|---------------|---------------|-----------------|
|                                       | Trình bày lại | Đã báo cáo    |                 |
| Các khoản điều chỉnh giảm             | 1.400.000.000 | 172.901.742   | 1.227.098.258   |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông | 2.668.276.280 | 3.895.374.538 | (1.227.098.258) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu              | 445           | 649           | (204)           |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu            | 445           | 649           | (204)           |

Người lập biểu



Đỗ Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Đào Thị Thu Hằng



Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp

Hưng Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2025.